CỔ PHẦN CHÀO BÁN THUỘC SỞ HỮU CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG. ĐÂY KHÔNG PHẢI LÀ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHẦN ĐỂ HUY ĐỘNG VỐN CHO CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG MÀ CHỈ LÀM THAY ĐỔI TỶ LỆ SỞ HỮU TRONG CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ KHÔNG LÀM THAY ĐỔI MỨC VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ. BAN TỔ CHỨC CHÀO BÁN KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ THAM KHẢO THÔNG TIN CỦA CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG ĐÃ CÔNG BỐ, ĐỌC KỸ QUY CHẾ BÁN ĐẤU GIÁ, BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY VÀ CÁC TUYÊN BỐ VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN THAM GIA TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH ĐĂNG KÝ MUA CỔ PHẦN CHÀO BÁN.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG

TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC – CÔNG TY TNHH

Địa chỉ: Tầng 23-24 Tòa nhà Charmvit, Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 3824 0703 Fax: (024) 6278 0136

Website: www.scic.vn

TỔ CHỨC CÓ VỐN CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC CHUYỂN NHƯỢNG

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG

Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Điện thoại: (84 - 296) 385 2368 Fax: (84 - 296) 385 2202

Website: www.agifish.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN CHÀO BÁN VÀ THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 2, Toà nhà Hanoitourist, Số 18 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 3934 3888 Fax: (024) 3934 3999

Website: www.psi.vn

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2026

THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

1. Thông tin về tổ chức phát hành

Tên tổ chức phát hành	:	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG
Tên tiếng Anh	:	An Giang Fisheries Import & Export Joint Stock Company
Tên viết tắt	:	AGIFISH CO
Địa chỉ	:	1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Tỉnh An Giang, Việt Nam
Vốn điều lệ	:	281.097.430.000 đồng (Hai trăm tám mươi mốt tỷ không trăm chín mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng)
Tổng số cổ phần đăng ký giao dịch	:	28.109.743 cổ phần
Tổng số cổ phần đang lưu hành	:	28.109.743 cổ phần
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phần
Ngành nghề kinh doanh	:	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản (Mã ngành: 1020)

2. Thông tin về đợt chào bán

Tên tổ chức chào bán cổ phần	:	TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC – CÔNG TY TNHH
Tên cổ phần chào bán	:	Cổ phần Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang
Loại cổ phần chào bán	:	Cổ phần phổ thông và tự do chuyển nhượng
Tổng số lượng cổ phần chào bán	:	2.316.892 cổ phần
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phần
Giá khởi điểm	:	59.776.000.000 đồng/lô cổ phần (Bằng chữ: Năm mươi chín tỷ bảy trăm bảy mươi sáu triệu đồng)
Bước giá	:	1.000.000 đồng/lô cổ phần
Phương thức chào bán	:	Bán đấu giá công khai theo lô cổ phần, theo đó nhà đầu tư phải đăng ký đặt mua toàn bộ số cổ phần chào bán (2.316.892 cổ phần)
Chuyển nhượng sở hữu	:	Thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy Sản An Giang

3. Tổ chức kiểm toán	
aasc since 1991	**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC** Địa chỉ: Số 01 Lê Phụng Hiểu, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội Điện thoại: (84-24) 3824 1990
4. Tổ chức thẩm định giá	
CPA VIETNAM	**Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam** Địa chỉ: Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, Số 235 Nguyễn Trãi, P. Khương Đình, Hà Nội Điện thoại: (024) 3783 2121
5. Tổ chức chào bán cổ phần	
SCIC	**Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công Ty TNHH** Địa chỉ: Tầng 23-24 Tòa nhà Charmvit, Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội Điện thoại: (024) 3824 0703 Fax: (024) 6278 0136
6. Tổ chức Tư vấn chào bán và thực hiện bán đấu giá	
PETROVIETNAM PSI	**Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI)** Địa chỉ: Tầng 2, Toà nhà Hanoitourist, Số 18 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội Điện thoại: (024) 3934 3888 Fax: (024) 3934 3999

MỤC LỤC

DANH MỤC HÌNH 8
DANH MỤC BIỂU ĐỒ 8
I. CĂN CỨ PHÁP LÝ 9
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 10
1. Rủi ro về kinh tế 11
2. Rủi ro về tốc độ tăng trưởng kinh tế 11
3. Rủi ro lạm phát 12
4. Rủi ro lãi suất 13
5. Rủi ro về luật pháp 13
6. Rủi ro biến động nguyên vật liệu và rủi ro cạnh tranh đặc thù ngành 14
7. Rủi ro của đợt bán cổ phần 15
8. Rủi ro khác 17
III. NHỮNG TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN 17
1. Tổ chức chào bán cổ phần/Chủ sở hữu vốn chuyển nhượng 17
2. Tổ chức phát hành/ Tổ chức có vốn được chuyển nhượng 18
3. Tổ chức tư vấn chào bán 18
IV. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT 19
V. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG 21
1. Tổng quan về Tổng Công Ty Đầu Tư Và Kinh Doanh Vốn Nhà Nước 21
2. Quá trình hình thành và phát triển 22
3. Mối quan hệ với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy Sản An Giang 22
4. Số cổ phần sở hữu 22
VI. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CÓ VỐN NHÀ NƯỚC CHUYỂN NHƯỢNG 23
1. Thông tin chung 23
2. Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Công ty 27
2.1. Cơ cấu tổ chức 27
2.2. Mô hình tổ chức quản lý của Công ty 28

3. Công ty con, công ty liên kết 30
4. Các sản phẩm của Công ty 30
5. Nguyên liệu phục vụ sản xuất của Công ty 32
6. Trình độ công nghệ, quy trình sản xuất của Công ty 33
7. Cơ cấu cổ đông 37
8. Danh sách những công ty mẹ và các công ty đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành 38
9. Danh sách HĐQT, TGĐ, Kế toán trưởng, BKS 38
10. Cơ cấu lao động 39
11. Chính sách cổ tức 40
12. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và các chỉ tiêu tài chính 40
13. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng và chế độ kế toán áp dụng 46
14. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại Báo cáo tài chính 46
15. Trích khấu hao Tài sản cố định 54
16. Các khoản phải nộp theo quy định 54
17. Trích lập các quỹ theo luật định 55
18. Tình hình công nợ 55
19. Đầu tư tài chính 56
20. Tình hình Tài sản của Công ty 57
21. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành 75
22. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận năm 2026 78
23. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất...) 79
24. Nhãn hiệu, tên thương mại, quyền sở hữu trí tuệ 80
25. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phần khi chuyển nhượng vốn 80

VII. THÔNG TIN VỀ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN 85

1. Tên cổ phần chào bán 85
2. Loại cổ phần chào bán 85
3. Mệnh giá 85

4. Tổng số cổ phần dự kiến chuyển nhượng 85
5. Giá khởi điểm đấu giá 85
6. Phương pháp/cơ sở tính giá khởi điểm 85
7. Phương thức chuyển nhượng vốn 86
8. Tổ chức thực hiện đấu giá cổ phần 86
9. Thời gian thực hiện chuyển nhượng vốn 86
10. Thời gian đăng ký mua cổ phần dự kiến 86
11. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài 86
12. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng vốn 87
13. Các loại thuế liên quan 87
14. Các thông tin khác theo quy định của pháp luật phải công khai khi thực hiện chuyển nhượng vốn 88
VIII. MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG VỐN 89
IX. CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN 89
1. Tổ chức là chủ sở hữu chuyển nhượng vốn 89
2. Tổ chức có vốn của Doanh nghiệp nhà nước cần chuyển nhượng 90
3. Tổ chức tư vấn chào bán 90
4. Tổ chức thực hiện đấu giá 90
5. Tổ chức thẩm định giá 90
6. Tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính kết thúc tại thời điểm 31/12/2023, 31/12/2024, 31/12/2025 và soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc tại thời điểm 30/06/2026 91
X. BÁO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG VỀ NỘI DUNG THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG 91
XI. THAY LỜI KẾT 91

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 27/02/2026 37
Bảng 2: Danh sách cổ đông lớn (từ 5% trở lên) tại ngày 27/02/2026 37
Bảng 3: Danh sách công ty mẹ, công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành 38
Bảng 4: Danh sách và tình hình sở hữu cổ phần của HĐQT và Ban TGĐ, Kế toán trưởng và BKS 38
Bảng 5: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2023 – 2025 và 9T/2026 40
Bảng 6: Cơ cấu doanh thu của Công ty giai đoạn 2023 –2025 và 9T/2026 41
Bảng 7: Cơ cấu lợi nhuận của Công ty giai đoạn 2023 – 2025 và 9T/2026 42
Bảng 8: Cơ cấu chi phí của Công ty giai đoạn 2023 – 2025 và 9T/2026 43
Bảng 9: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2023 – 2025 và 9T/2026 43
Bảng 10: Tài sản của Công ty giai đoạn 2023 –2025 và 9T/2026 44
Bảng 11: Nguồn vốn của Công ty giai đoạn 2023 –2025 và 9T/2026 44
Bảng 12: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty 45
Bảng 13: Các khoản phải nộp theo quy định 54
Bảng 14: Trích lập các quỹ theo quy định 55
Bảng 15: Các khoản phải thu của Công ty 55
Bảng 16: Các khoản phải trả của Công ty 55
Bảng 17: Các khoản đầu tư tài chính của Công ty 56
Bảng 18: Tình hình quản lý và sử dụng đất Của Công ty 57
Bảng 19: Tình hình tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2025 75
Bảng 20: Số liệu thủy sản nổi bật năm 2025 77
Bảng 21: Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận năm 2026 78
Bảng 22: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2026 78

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty 27
Hình 2: Mô hình tổ chức quản trị của Công ty 28
Hình 3: Sản phẩm thủy sản chưa chế biến 31
Hình 4: Sản phẩm giá trị gia tăng, sản phẩm chế biến 31
Hình 5: Quy trình sản xuất 35
Hình 6: Bức tranh xuất khẩu thủy sản năm 2025 76

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2015 – 2025 (%) 11
Biểu đồ 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam qua các năm (%) 12

NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2025;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2024;
- Luật Quản lý và Đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 do Quốc hội ban hành ngày 14/06/2025 (Văn bản hợp nhất số 60/VBHN-VPQH ngày 23/3/2026);
- Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước;
- Nghị định số 147/2017/NĐ-CP ngày 25/12/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (sau đây gọi tắt là Nghị định số 147/2017/NĐ-CP);
- Nghị định số 148/2017/NĐ-CP ngày 25/12/2017 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (sau đây gọi tắt là Nghị định số 148/2017/NĐ-CP);
- Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về Quản lý và Đầu tư vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp;
- Nghị định số 57/2026/NĐ-CP ngày 12/02/2026 của Chính phủ về Cơ cấu lại vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024, Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26/4/2025 và Thông tư số 08/2026/TT-BTC ngày 03/02/2026; sau đây gọi tắt là Thông tư số 96/2020/TT-BTC) và các văn bản có liên quan;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025);
- Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung bởi

Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024 và Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26/4/2025);

- Quyết định số 56/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 05/5/2026 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc ban hành Quy chế bán cổ phần của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;
- Quyết định số 40/2026/QĐ-TTg ngày 05/08/2026 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân loại doanh nghiệp để thực hiện cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước;
- Quyết định số 129/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 10/8/2026 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi, bổ sung về cơ cấu lại vốn của SCIC đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn giai đoạn 2026-2030 (Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang thuộc Phụ lục 1.4.1 "Danh mục doanh nghiệp SCIC triển khai bán toàn bộ vốn", STT 10);
- Quyết định số 41/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 09/4/2026 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 (Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang thuộc Nhóm 7 "SCIC triển khai bán toàn bộ vốn", Phụ lục 2A);
- Nghị quyết số 337/NQ-ĐTKDV.HĐTV ngày 19/10/2026 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc phê duyệt phương thức bán cổ phần của SCIC tại Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang;
- Quyết định số 316/QĐ-ĐTKDV ngày 03/11/2026 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về việc phê duyệt phương án bán cổ phần của Tổng Giám đốc Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang;
- Chứng thư thẩm định giá số 111/2026/114/CTTĐG-CPAVIETNAM-HCM ngày 22/10/2026 do Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam phát hành; Báo cáo thẩm định giá số 111/2026/114/BCTĐG-CPA VIETNAM-HCM ngày 22/10/2026 của Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam về việc xác định giá trị cổ phần của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang;
- Hợp đồng dịch vụ tư vấn và tổ chức bán cổ phần tại Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang số 1332/2025/SCIC-PSI ngày 10/10/2025 ký giữa Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước và Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí;
- Các văn bản pháp luật có liên quan.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang nói riêng.

Nhà đầu tư cần cẩn trọng và cân nhắc các yếu tố rủi ro này, và trong trường hợp các rủi ro dưới đây diễn ra, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang sẽ bị ảnh hưởng dẫn tới sự sụt giảm một phần hoặc toàn bộ giá trị đầu tư.

1. Rủi ro về kinh tế

Rủi ro về kinh tế là một loại rủi ro hệ thống có tác động trực tiếp và gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế, thông qua các cơ chế tác động đến tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất ngân hàng và tỷ giá hối đoái. Trong chiến lược hạn chế rủi ro về kinh tế, việc xem xét các thay đổi trong cơ chế vận hành và khả năng tăng trưởng của nền kinh tế nói chung có ý nghĩa rất quan trọng giúp việc đánh giá và dự báo tình hình kinh doanh của công ty có độ tin cậy cao hơn, đồng thời tiên liệu và chuẩn bị trước các tình huống ứng phó cho sự thay đổi bất lợi có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty.

2. Rủi ro về tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng hầu hết các ngành, lĩnh vực của kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng các sản phẩm tiện ích, dịch vụ có chất lượng cao và giúp doanh nghiệp mở rộng thị trường cung ứng. Những năm trở lại đây, nền kinh tế Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức cao và ổn định so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Nhà đầu tư cần cẩn trọng và cân nhắc các yếu tố rủi ro này, và trong trường hợp các rủi ro dưới đây diễn ra, hoạt động sản xuất kinh doanh của CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang sẽ bị ảnh hưởng dẫn tới sự sụt giảm một phần hoặc toàn bộ giá trị đầu tư.

Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2015 – 2025 (%)

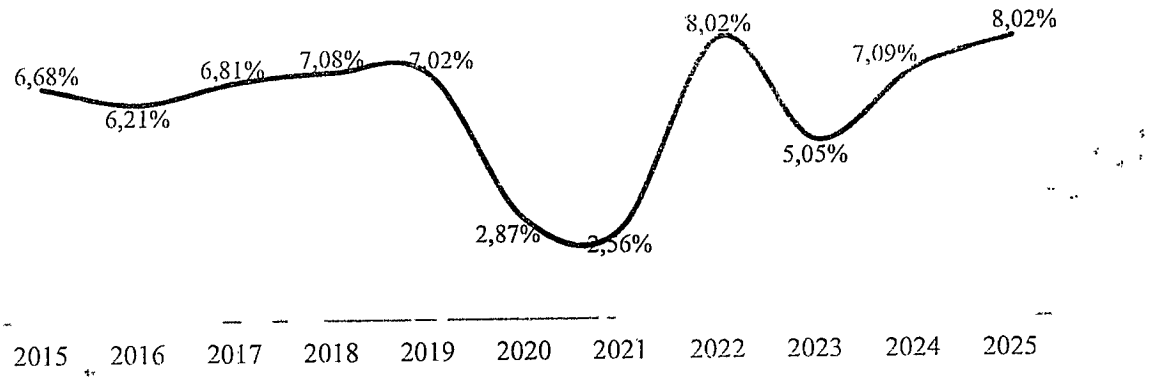

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Năm 2024, kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì đà phục hồi tích cực trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều biến động, áp lực lạm phát và căng thẳng địa chính trị vẫn hiện hữu. Theo Tổng cục Thống kê, GDP năm 2024 tăng 7,09% so với năm trước, phản ánh hiệu quả của các chính sách điều hành kinh tế vĩ mô và sự phục hồi của các động lực tăng trưởng. Trong mức tăng chung của nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,27%, đóng góp 5,37%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,24%, đóng góp 45,17%; khu vực dịch vụ tăng 7,38%, đóng góp 49,46% vào tăng trưởng GDP.

Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục duy trì tăng trưởng ổn định mặc dù chịu ảnh hưởng của thiên tai và bão lũ tại nhiều địa phương. Hoạt động sản xuất nông nghiệp được duy trì, chăn nuôi phát triển tích cực, trong khi nuôi trồng thủy sản tiếp tục tăng trưởng nhờ điều kiện thị trường thuận lợi. Cụ thể, giá trị tăng thêm của ngành nông nghiệp tăng 2,94%, ngành lâm nghiệp tăng 5,03% và ngành thủy sản tăng 4,03% so với năm trước; trong đó, ngành thủy sản đóng góp 0,10 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung của nền kinh tế.

Bước sang năm 2025, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì đà tăng trưởng mạnh mẽ mặc dù kinh tế thế giới còn nhiều biến động do xu hướng gia tăng bảo hộ thương mại, căng thẳng địa chính trị và áp lực lạm phát tại nhiều quốc gia. Theo Tổng cục Thống kê, GDP năm 2025 tăng 8,02% so với năm 2024, vượt mục tiêu đề ra và thuộc nhóm các nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao trong khu vực. Trong mức tăng chung của nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,78%, đóng góp 5,30%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,95%, đóng góp 43,62%; khu vực dịch vụ tăng 8,62%, đóng góp 51,08% vào tăng trưởng GDP.

Đối với khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, mặc dù vẫn chịu tác động của biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan và yêu cầu ngày càng cao từ các thị trường xuất khẩu, sản xuất toàn ngành vẫn duy trì xu hướng tăng trưởng tích cực. Trong đó, thủy sản tiếp tục là một trong những lĩnh vực nổi bật khi sản lượng nuôi trồng tăng ổn định, hoạt động chế biến và xuất khẩu phục hồi nhờ nhu cầu tiêu dùng tại các thị trường lớn như Mỹ, EU, Trung Quốc và các nước CPTPP được cải thiện. Kết quả này không chỉ góp phần nâng cao giá trị gia tăng của khu vực nông nghiệp mà còn đóng góp tích cực vào tăng trưởng chung của nền kinh tế và củng cố vai trò của thủy sản là một trong những ngành xuất khẩu chủ lực của Việt Nam.

3. Rủi ro lạm phát

Trong quá trình phát triển kinh tế, lạm phát ở Việt Nam diễn ra với xu hướng tăng và biến động với biên độ khá lớn góp phần tạo ra những biến động bất thường của giá cả nguyên vật liệu đầu vào như giá xăng dầu, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp. Đây là một trong những chỉ số quan trọng để đánh giá sự ổn định của kinh tế vĩ mô. Kiềm chế lạm phát ở mức độ vừa phải (dưới 10%) sẽ là động lực để phát triển nền kinh tế.

Biểu đồ 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam qua các năm (%)

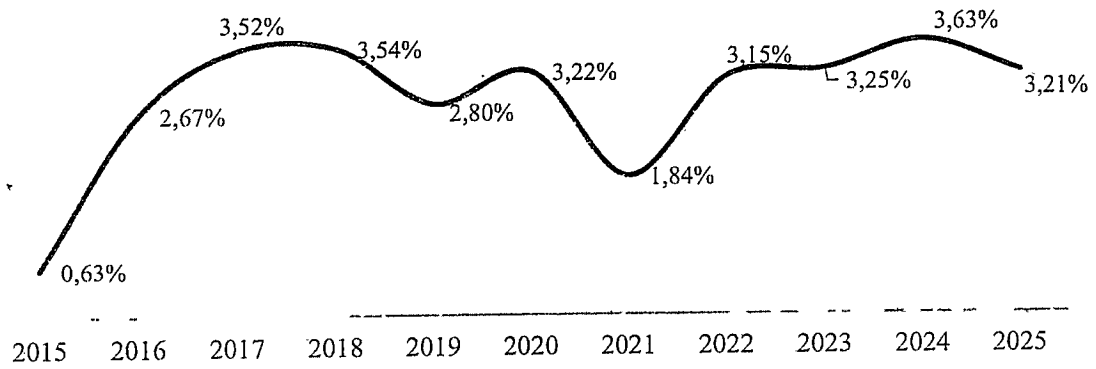

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới)

Trong giai đoạn 2014 – 2024, Việt Nam duy trì được môi trường lạm phát ổn định ở mức thấp, qua đó củng cố vững chắc nền tảng kinh tế vĩ mô và củng cố niềm tin của thị trường. Sau

giai đoạn biến động mạnh đầu thập niên 2010, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) đã được kiểm soát hiệu quả, liên tục duy trì dưới ngưỡng 4%/năm. Giai đoạn 2015 – 2021, Việt Nam ghi nhận CPI bình quân chỉ quanh mức 2 – 3%/năm. Bước sang năm 2022, trong bối cảnh áp lực lạm phát toàn cầu gia tăng do giá năng lượng và lương thực leo thang, Việt Nam vẫn kiểm soát thành công CPI ở mức 3,16%, thấp hơn đáng kể so với nhiều nền kinh tế trong khu vực. Năm 2023, CPI tăng 3,25%, đánh dấu năm thứ 12 liên tiếp lạm phát được duy trì ở mức một con số, góp phần quan trọng bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và là một trong các yếu tố giúp Fitch Ratings nâng xếp hạng tín nhiệm quốc gia của Việt Nam từ BB lên BB+.

Năm 2024, CPI bình quân tăng 3,63% so với năm 2023, đạt đúng mục tiêu Quốc hội đề ra dưới 4%. Mức tăng này phản ánh tác động tổng hợp của chi phí đầu vào và nhu cầu tiêu dùng trong nước. Theo Tổng cục Thống kê, nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,03%, trong đó giá gạo tăng 15,93% do nhu cầu xuất khẩu cao và biến động mùa vụ; nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 5,2% chủ yếu do điều chỉnh giá điện và vật liệu như sắt thép, xi măng. Bên cạnh đó, nhóm y tế và giáo dục lần lượt tăng 7,16% và 5,45%, phản ánh việc điều chỉnh học phí và giá dịch vụ y tế. Ngược lại, nhóm giao thông và bưu chính – viễn thông giảm lần lượt 2,45% và 1,19%.

Theo Tổng cục Thống kê, CPI bình quân năm 2025 tăng 3,31% so với năm 2024. Lạm phát cơ bản cùng kỳ ở mức 3,21%, cho thấy áp lực giá xuất phát chủ yếu từ nhóm hàng hóa thiết yếu như thực phẩm, nhà ở, giáo dục và vật liệu xây dựng, trong khi nhóm giao thông và viễn thông tiếp tục giảm. Với mặt bằng lạm phát duy trì quanh mức 3 – 3,5%, Việt Nam tiếp tục nằm trong nhóm quốc gia có lạm phát ổn định nhất khu vực châu Á, tạo dư địa thuận lợi để Chính phủ theo đuổi chính sách tiền tệ nới lỏng có mục tiêu, hỗ trợ tăng trưởng trong bối cảnh kinh tế toàn cầu còn tiềm ẩn nhiều biến động.

Mặc dù lạm phát của Việt Nam được Chính phủ kiểm soát ổn định, tuy nhiên những biến động bất thường về giá cả nguyên nhiên vật liệu đầu vào vẫn sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

4. Rủi ro lãi suất

Đối với doanh nghiệp thì rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của từng ngành.

Trong những năm gần đây, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam điều hành chính sách tiền tệ theo hướng linh hoạt nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Nhờ đó, mặt bằng lãi suất nhìn chung được duy trì ở mức tương đối ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn phục vụ hoạt động đầu tư. Tuy nhiên, trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều biến động, áp lực lạm phát, tỷ giá, chính sách tiền tệ của các nền kinh tế lớn và nhu cầu huy động vốn của hệ thống ngân hàng có thể tác động đến xu hướng lãi suất trong nước trong thời gian tới.

5. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro pháp lý phát sinh từ những thay đổi trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, bao gồm các quy định về Doanh nghiệp, Chứng khoán, Thuế xuất nhập khẩu, cùng các chính sách quản lý chuyên ngành khác.

Được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Công ty chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam. Khung pháp lý trong hiện nay vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định, chưa đồng bộ, hướng dẫn thi hành chưa đầy đủ,... Điều này có thể ảnh hưởng đến hiệu quả hoạch định chiến lược dài hạn cũng như công tác tuân thủ pháp lý của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, kể từ khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và ký kết hàng loạt Hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương và đa phương, hệ thống pháp luật quốc gia đã liên tục được hoàn thiện, minh bạch hóa và tiệm cận chuẩn mực quốc tế. Các chính sách về thuế quan, xuất nhập khẩu và đầu tư nước ngoài được điều chỉnh theo hướng thông thoáng hơn, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hội nhập sâu rộng vào chuỗi giá trị toàn cầu. Dù vậy, việc thường xuyên cập nhật và thay đổi chính sách để phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội vẫn là yếu tố có thể tiềm ẩn rủi ro Công ty, đặc biệt đối với các chiến lược đầu tư dài hạn.

Đối với các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản như AGIFISH, rủi ro pháp lý không chỉ đến từ quy định trong nước mà còn từ hệ thống pháp luật của từng thị trường nhập khẩu. Các sản phẩm của Công ty hiện được xuất khẩu sang nhiều khu vực như châu Âu, châu Á, châu Phi và châu Mỹ, do đó phải đáp ứng các tiêu chuẩn pháp lý, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc khác nhau của từng quốc gia.

Bên cạnh đó, với tư cách là công ty đại chúng, Công ty còn chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan. Trong bối cảnh khung pháp lý cho thị trường chứng khoán Việt Nam đang tiếp tục được hoàn thiện theo hướng minh bạch và chuẩn hóa, các thay đổi về quy định công bố thông tin, quản trị công ty có thể tác động nhất định đến hoạt động điều hành và quản trị rủi ro của Công ty.

6. Rủi ro biến động nguyên vật liệu và rủi ro cạnh tranh đặc thù ngành

❖ **Rủi ro nguyên liệu**

Một yếu tố rủi ro quan trọng trong hoạt động sản xuất của AGIFISH đó là nguyên liệu đầu vào (cá bè, ao hầm). Nguồn cung mang tính thời vụ và chịu ảnh hưởng bởi yếu tố thời tiết, tác động đến chất lượng, sản lượng và giá cả nguyên liệu đầu vào. Như vậy phần lớn sự biến đổi tích cực hay tiêu cực nào của nguồn nguyên liệu đều ảnh hưởng đến quá trình sản xuất của Công ty.

Hiện nay, phần lớn cá Tra và cá Basa được nuôi công nghiệp trong ao, hầm với năng suất cao, chi phí hợp lý và khả năng cung ứng luân phiên quanh năm. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, số lượng bè cá giảm đáng kể do chi phí nuôi cao và hiệu quả thấp hơn so với hình thức nuôi ao, hầm. Mặc dù người nuôi đã chủ động áp dụng kỹ thuật nuôi tiên tiến, kết hợp kinh nghiệm thực tiễn và các biện pháp quản lý sinh học, góp phần cải thiện năng suất và chất lượng cá nguyên liệu, nhưng mức độ tập trung nuôi trồng cao tại khu vực đầu nguồn sông Tiền và sông Hậu lại tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm môi trường và phát sinh dịch bệnh.

Ngoài yếu tố sản xuất, điều kiện tự nhiên cũng là rủi ro không thể kiểm soát hoàn toàn. Với diễn biến thời tiết thất thường, đặc biệt trong mùa lũ (tháng 5 – 6) khi nguồn nước thay đổi đột ngột mang theo phù sa và ký sinh trùng, làm thay đổi môi trường và phát sinh bệnh ở cá. Ngược lại, vào mùa khô (tháng 1 – 2), nồng độ phèn và hóa chất nông nghiệp tích tụ trong nước gia tăng cũng là nguyên nhân gây ảnh hưởng đến sức khỏe và chất lượng cá nuôi.

Các xí nghiệp chế biến thủy sản của AGIFISH được đặt tại khu vực có lợi thế về vị trí địa lý, gần nguồn cung nguyên liệu và thuận tiện vận chuyển bằng cả đường thủy lẫn đường bộ. Dù vậy, tỉnh An Giang nằm trong vùng Tứ giác Long Xuyên – khu vực đầu nguồn sông Tiền và sông Hậu – thường xuyên chịu ảnh hưởng của lũ lụt, gây khó khăn tạm thời cho hoạt động logistics và cung ứng.

Bên cạnh đó, Campuchia với điều kiện tự nhiên thuận lợi tại khu vực Biển Hồ đang dần mở rộng hoạt động nuôi và chế biến cá Tra, cá Basa. Trong trung và dài hạn, xu hướng này có thể tăng áp lực cạnh tranh về giá và thị phần xuất khẩu đối với các doanh nghiệp Việt Nam, bao gồm AGIFISH.

❖ **Rủi ro thị trường tiêu thụ**

Công ty chủ yếu xuất khẩu vào các thị trường lớn như Châu Âu, Úc, Châu Á, Trung Đông, Đông Âu và Nga. Đây là những thị trường có mức lợi nhuận cao. Tuy nhiên, quy định về tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm của những thị trường này khá khắt khe. Công ty phải tuân thủ theo những tiêu chuẩn nhất định và những tiêu chuẩn này thường xuyên thay đổi theo hướng ngày càng nghiêm ngặt hơn. Bên cạnh đó, chính sách bảo hộ người nuôi trồng thủy sản tại các nước nhập khẩu dẫn tới các vụ kiện chống bán phá giá cũng là một trong những yếu tố làm thu hẹp thị trường xuất khẩu, qua đó, làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. AGIFISH đang áp dụng các hệ thống quản lý: HACCP; COC; ISO 17025: 2005; Global Standard For Food Safety (BRC); HALAL; ASC; BAP... vào trong toàn bộ quá trình nuôi trồng và sản xuất chế biến để luôn đảm bảo cung cấp những sản phẩm chất lượng. Công ty luôn cập nhật các thay đổi và những quy định mới về tiêu chuẩn chất lượng để kịp thời chuẩn bị và đáp ứng về hệ thống, cũng như có chính sách điều chỉnh phù hợp cơ cấu thị trường xuất khẩu của Công ty.

❖ **Rủi ro rào cản thương mại và kỹ thuật của các nước nhập khẩu**

Các thị trường nhập khẩu lớn như Hoa Kỳ và Liên minh Châu Âu duy trì các yêu cầu cao về an toàn thực phẩm, thanh tra chất lượng, ghi nhãn nguồn gốc xuất xứ, xử lý nước thải và truy xuất nguồn gốc sản phẩm (traceability); việc đáp ứng các yêu cầu này làm tăng chi phí tuân thủ và có thể tạo ra rào cản thương mại đối với sản phẩm cá Tra, Basa của Việt Nam.

❖ **Rủi ro nguồn nhân lực**

Các công ty chế biến thủy sản luôn cần một đội ngũ lao động khá lớn so với các công ty khác để phục vụ cho hoạt động sản xuất, chế biến của mình. Sự biến động về nguồn cung ứng lao động luôn luôn diễn ra ở mức độ cao và rủi ro về thiếu hụt nhân lực luôn là một trong các tiêu chí mà AGIFISH phải quan tâm. Nhằm giảm thiểu sự rủi ro về nhân lực ở mức thấp nhất, Công ty luôn đưa ra các chế độ, chính sách ưu đãi đối với cán bộ công nhân viên như luôn tạo môi trường làm việc tốt nhất cho CBCNV, thường xuyên tuyển dụng và đào tạo nâng cao trình độ tay nghề cho đội ngũ công nhân. Đào tạo và bồi dưỡng các cán bộ có năng lực, tạo cơ hội cho đội ngũ lao động trẻ để bổ sung cho các cấp quản lý.

7. Rủi ro của đợt bán cổ phần

Trong năm 2024, thị trường chứng khoán Việt Nam bước vào giai đoạn hồi phục sau thời kỳ tăng trưởng chậm, với nền tảng kinh tế vĩ mô được cải thiện và kỳ vọng nhà đầu tư được khích lệ nhờ xuất khẩu thuận lợi cùng môi trường thanh khoản tích cực. Thanh khoản toàn thị

trường ghi nhận sự cải thiện rõ rệt, với giá trị giao dịch bình quân đạt khoảng 21.100 tỷ đồng mỗi phiên, tăng gần 20% so với năm trước. Năm 2025, thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục khởi sắc khi chỉ số VN-Index liên tục thiết lập các mốc cao mới và vượt 1.700 điểm, phản ánh tâm lý tích cực của nhà đầu tư trước triển vọng tăng trưởng kinh tế và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp niêm yết. Thanh khoản thị trường duy trì ở mức cao với giá trị giao dịch bình quân tăng đáng kể so với năm trước, trong khi quy mô vốn hóa tiếp tục mở rộng, góp phần nâng cao khả năng huy động vốn trung và dài hạn cho nền kinh tế.

Ngoài ra, sự kiện Việt Nam được FTSE Russell nâng hạng lên thị trường mới nổi đã trở thành điểm nhấn, củng cố niềm tin và kỳ vọng vào triển vọng tăng trưởng dài hạn. Dù vẫn còn một số rủi ro về tỷ giá, lãi suất và cân đối cung – cầu vốn, năm 2025 vẫn được đánh giá là giai đoạn bứt phá mạnh mẽ của thị trường chứng khoán Việt Nam, với nhiều tín hiệu tích cực về thanh khoản, định giá và tâm lý nhà đầu tư.

Bên cạnh yếu tố thị trường chung, đợt bán cổ phần còn chịu các rủi ro đặc thù của Công ty như sau:

Thứ nhất, tình hình tài chính của Công ty còn nhiều khó khăn. Tại ngày 30/9/2026, vốn chủ sở hữu của Công ty âm 217,06 tỷ đồng, tương ứng giá trị sổ sách âm khoảng 7.722 đồng/cổ phần; lỗ lũy kế đạt 910,95 tỷ đồng và nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn 324,44 tỷ đồng. Báo cáo tài chính các năm 2024, 2025 và báo cáo soát xét 6 tháng đầu năm 2026 có ý kiến kiểm toán ngoại trừ làm gia tăng mức độ thận trọng của nhà đầu tư khi đánh giá tình hình tài chính, khả năng hoạt động liên tục và triển vọng phục hồi của Công ty.

Thứ hai, mức giá khởi điểm cao hơn đáng kể so với mặt bằng giá giao dịch trên thị trường. Giá khởi điểm 25.800 đồng/cổ phần được xác định theo Chứng thư thẩm định giá số 111/2026/114/CTTĐG-CPAVIETNAM-HCM ngày 22/10/2026 bằng phương pháp tài sản tại thời điểm thẩm định 31/12/2025 (có hiệu lực đến 22/4/2027), trong đó đã bao gồm khoản phải thu từ CTCP Đầu tư và Xây dựng Delta AGF 340,07 tỷ đồng; giá trị thu hồi thực tế của khoản này phụ thuộc vào kết quả thi hành án và thanh lý tài sản của Delta AGF. Giá khởi điểm cao gấp khoảng 14,1 lần giá tham chiếu bình quân 30 ngày giao dịch gần nhất (1.833 đồng/cổ phần) và khoảng 12,9 lần giá trần ngày 02/11/2026 (2.000 đồng/cổ phần); cổ phiếu AGF thuộc diện hạn chế giao dịch, thanh khoản thấp (trong 30 ngày giao dịch liên tiếp từ ngày 22/9/2026 đến ngày 02/11/2026, tổng khối lượng giao dịch chỉ đạt 2.804 cổ phiếu, bình quân khoảng 93,47 cổ phiếu/phiên). Khoảng cách này có thể ảnh hưởng đến quyết định tham gia đấu giá của nhà đầu tư, do đó có rủi ro không thu hút đủ nhu cầu mua hoặc không bán hết lô cổ phần. Nhà đầu tư cần tự đánh giá giá trị cổ phần trước khi tham gia.

Thứ ba, tình trạng pháp lý đất đai cần tiếp tục được rà soát, hoàn thiện. Hồ sơ pháp lý liên quan đến đất đai của Công ty chưa đầy đủ (xem mục Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng vốn). Điều này có thể làm gia tăng thời gian và chi phí thẩm định của nhà đầu tư, đồng thời ảnh hưởng đến việc đánh giá giá trị tài sản, khả năng khai thác và các nghĩa vụ pháp lý liên quan.

Thứ tư, nhà đầu tư mua cổ phần không có quyền chi phối Công ty. Theo danh sách cổ đông chốt gần nhất, CTCP Hùng Vương nắm giữ 79,58% vốn điều lệ, trong khi lô cổ phần chuyển nhượng chỉ tương ứng 8,24% vốn điều lệ. Nhà đầu tư mua thành công lô cổ phần này không đương nhiên có quyền kiểm soát hoặc chi phối các quyết định thuộc thẩm quyền của

Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, có thể làm giảm sức hấp dẫn đối với nhà đầu tư có mục tiêu tham gia quản trị hoặc tái cấu trúc Công ty.

Do vậy, đợt chào bán cổ phần sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán tại thời điểm chính thức đấu giá, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như tính hấp dẫn cổ phiếu của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy Sản An Giang. Có thể có rủi ro không bán hết số cổ phần dự định chào bán.

8. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng lớn đến Công ty như các hiện tượng: thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn. Những rủi ro này hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra, chúng có thể ảnh hưởng gây thiệt hại cho tài sản, con người, dự án đang thực hiện và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đại dịch Covid - 19 đã chứng minh đây là rủi ro dịch bệnh hiếm gặp nhưng trong thực tế vừa qua trên toàn thế giới trải qua một đợt đại dịch gây thiệt hại lớn về con người, vật chất, ảnh hưởng tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trên diện rộng. Nhận thức được điều đó, Công ty luôn chủ động đánh giá các kịch bản rủi ro, xây dựng kế hoạch ứng phó và duy trì các biện pháp phòng ngừa cần thiết nhằm giảm thiểu thiệt hại và bảo đảm hoạt động được duy trì ổn định khi các tình huống bất khả kháng xảy ra.

III. NHỮNG TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức chào bán cổ phần/Chủ sở hữu vốn chuyển nhượng

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC – CÔNG TY TNHH (SCIC)

Địa chỉ: Tầng 23-24 Tòa nhà Charmvit, Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 3824 0703 Fax: (024) 6278 0136

Website: www.scic.vn

Bà: **Lê Thị Hoài Diễm** Chức vụ: **Phó Tổng giám đốc**

(Quyết định số 152/QĐ-ĐTKDV ngày 25/5/2022 của Tổng Giám đốc SCIC về việc uỷ quyền ký quyết định, văn bản, hồ sơ, hợp đồng, thanh lý hợp đồng và các văn bản liên quan trực tiếp với việc bán cổ phần, bán phần vốn, bán quyền mua của SCIC)

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực dựa trên cơ sở các thông tin và tài liệu do Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang cung cấp.

Trong trường hợp trước ngày dự kiến tổ chức đấu giá, có phát sinh các văn bản, quy định mới của pháp luật hoặc của các cơ quan có thẩm quyền ảnh hưởng tới hoạt động bán cổ phần, bán quyền mua của SCIC thì SCIC có quyền công bố thông tin bổ sung hoặc dừng tổ chức đấu giá (nếu cần thiết).

2. Tổ chức phát hành/ Tổ chức có vốn được chuyển nhượng

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG

Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Tỉnh An Giang

Điện thoại: (029) 6385 2368 Fax: (029) 6385 2202

Website: www.agifish.com.vn

Ông: **Nguyễn Văn Ký** Chức vụ: **Tổng Giám Đốc**

Chúng tôi xác nhận rằng Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước là cổ đông có quyền sở hữu đầy đủ và hợp pháp đối với số cổ phần chào bán và đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý. Việc chào bán cổ phần này không phải là đợt chào bán để huy động vốn cho Công ty mà chỉ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu trong cơ cấu cổ đông và không làm thay đổi mức vốn điều lệ đã đăng ký của Công ty.

3. Tổ chức tư vấn chào bán

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 2, Toà nhà Hanoitourist, Số 18 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 3934 3888 Fax: (024) 3934 3999

Website: www.psi.vn

Bà: **Phan Quỳnh Nga** Chức vụ: **Giám đốc**

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ tư vấn bán cổ phần của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang do Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ tư vấn và tổ chức bán cổ phần số 1332/2025/SCIC-PSI ngày 10/10/2025 với Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước. Bản công bố thông tin này có những lưu ý, điều kiện và hạn chế sau:

Việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này dựa vào các thông tin và số liệu trên báo cáo tài chính do Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang cung cấp và các số liệu liên quan khác được công bố theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; cũng như được tham khảo từ các nguồn khác mà chúng tôi coi là đáng tin cậy. SCIC và Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí không chịu trách nhiệm về tính chính xác của các dữ liệu tham khảo từ nguồn bên ngoài doanh nghiệp. Các báo cáo tài chính được thu thập và sử dụng trong Báo cáo này bao gồm:

Báo cáo tài chính năm 2023, 2024, 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 được soát xét bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Bản Công bố thông tin này chỉ xem xét những thông tin và điều kiện tồn tại tính đến ngày 03/11/2026 đã được công bố công khai. Các sự kiện xảy ra sau ngày này chưa được xem xét và SCIC, tổ chức tư vấn không có nghĩa vụ phải cập nhật lại Bản Công bố thông tin đối với các sự kiện này;

Chúng tôi giả định rằng Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và các quy định nội bộ về hoạt động và kinh doanh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí, nhân viên của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (bao gồm cả nhân viên thực hiện Bản Công bố thông tin này) có thể đang sở hữu, mua bán, thực hiện các dịch vụ môi giới, tư vấn đầu tư, hoặc các dịch vụ khác trong phạm vi pháp luật cho phép liên quan đến cổ phần của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang cho SCIC, chính Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang và các khách hàng khác của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí và các công ty con, công ty liên kết. Nhà đầu tư cần xem xét, đánh giá khả năng mâu thuẫn lợi ích khi sử dụng Bản Công bố thông tin này.

Bản Công bố thông tin này chỉ có giá trị để tham khảo, nhà đầu tư tham gia mua cổ phần có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.

IV. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

TỪ, KHÁI NIỆM		DIỄN GIẢI
AFA	:	Hiệp hội nghề nuôi và chế biến thuỷ sản An Giang
AGIFISH/Công ty	:	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy Sản An Giang
APPU	:	Đơn vị chế biến sản phẩm nuôi trồng thủy sản
ASC	:	Hội đồng Quản lý Nuôi trồng Thủy sản (Aquaculture Stewardship Council)
BAP	:	Thực hành Nuôi trồng Thủy sản Tốt nhất (Best Aquaculture Practices)
BIDV	:	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
BKS	:	Ban kiểm soát
BRC	:	Tiêu chuẩn Toàn cầu BRC về An toàn Thực phẩm (BRC Global Standard for Food Safety)
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
CD	:	Đất công nghiệp
CLN	:	Đất trồng cây lâu năm
COC	:	Chuỗi Hành trình sản phẩm (Chain of Custody)
CPI	:	Chỉ số Giá tiêu dùng
CPTPP	:	Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
CTCP	:	Công ty Cổ phần
ĐBSCL	:	Đồng bằng Sông Cửu Long
ĐĐSX	:	Điều độ sản xuất
Delta AGF	:	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Delta AGF
ĐKDN	:	Đăng ký doanh nghiệp

TỪ, KHÁI NIỆM		DIỄN GIẢI
DTT	:	Doanh thu thuần
EU	:	Liên minh Châu Âu
FAO	:	Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc
FDA	:	Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm
FTA	:	Hiệp định thương mại tự do
FTSE Russell	:	Tập đoàn cung cấp chỉ số chứng khoán toàn cầu
GDP	:	Tổng sản phẩm quốc nội
GTGT	:	Giá trị gia tăng
HACCP	:	Phân tích mối nguy và Điểm kiểm soát tới hạn (Hazard Analysis and Critical Control Points)
HALAL	:	Là một bộ tiêu chuẩn về sản phẩm được phép sử dụng theo Luật Hồi giáo (Sharia). Chứng nhận HALAL là điều kiện bắt buộc để xuất khẩu sản phẩm sang các thị trường có dân số Hồi giáo lớn.
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
HNK	:	Đất trồng cây hằng năm khác
KCS	:	cán bộ kỹ thuật
LUA	:	Đất trồng lúa
NAFIQAVED	:	Cục quản lý chất lượng an toàn vệ sinh và thú y thủy sản
NHNN	:	Ngân hàng Nhà nước
NTS	:	Đất nuôi trồng thủy sản
ODT	:	Đất ở tại đô thị
SCIC	:	Tổng Công Ty Đầu Tư Và Kinh Doanh Vốn Nhà Nước
SEAQIP	:	Dự án hỗ trợ nâng cao chất lượng thủy sản xuất khẩu
SGDCK	:	Sở Giao dịch chứng khoán
SGS	:	Tập đoàn giám định hàng đầu thế giới (Thụy Sĩ)
SHNN	:	Sở hữu nước ngoài
SKC	:	Đất phi nông nghiệp
SQF	:	Tiêu chuẩn Thực phẩm An toàn và Chất lượng
TCHC	:	Tổ chức hành chính
TGĐ	:	Tổng Giám đốc
TMCP	:	Thương mại cổ phần
UBND	:	Ủy ban nhân dân
USDA	:	Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ

TỪ, KHÁI NIỆM		DIỄN GIẢI
VASEP	:	Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam
VCCI	:	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
Vietcombank	:	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
VSDC	:	Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
WTO	:	Tổ chức Thương mại Thế giới

Những từ ngữ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

V. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG

1. Tổng quan về Tổng Công Ty Đầu Tư Và Kinh Doanh Vốn Nhà Nước

Tên Công ty	:	Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước
Tên tiếng Anh	:	State Capital Investment Corporation
Tên viết tắt	:	SCIC
Vốn điều lệ	:	50.000.000.000.000 đồng (Năm mươi nghìn tỷ đồng)
Trụ sở	:	Tầng 23 - 24, Tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội
Giấy chứng nhận ĐKDN	:	Số 0101992921 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/7/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 11/08/2026 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp
Lĩnh vực kinh doanh	:	- Tiếp nhận và quản lý phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp do các Bộ, các UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chuyển giao gồm: công ty TNHH MTV; công ty TNHH hai thành viên trở lên; công ty liên doanh có vốn góp của nhà nước; công ty cổ phần được cổ phần hóa từ các doanh nghiệp độc lập 100% vốn nhà nước hoặc mới thành lập; các tập đoàn kinh tế, Tổng công ty; và doanh nghiệp khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; - Thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với doanh nghiệp và phần vốn do SCIC tiếp nhận và trực tiếp đầu tư; - Tiếp tục sắp xếp, cổ phần hóa, bán vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp được chuyển giao theo quy định hiện hành; - Đầu tư vốn vào các tập đoàn, Tổng công ty, hoặc công ty mẹ hoạt động trong những lĩnh vực, ngành nghề nhà nước cần nắm giữ quyền chi phối; Các dự án theo chỉ định của Chính phủ và

Thủ tướng Chính phủ; Các ngành, lĩnh vực, dự án đem lại hiệu quả kinh tế theo quy định của pháp luật;

- Cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư, tư vấn tài chính, tư vấn cổ phần hóa, tư vấn quản trị doanh nghiệp, tư vấn chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, tư vấn mua bán sáp nhập doanh nghiệp, các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

2. Quá trình hình thành và phát triển

2005 - 2006	:	Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) được thành lập theo Quyết định số 151/2005/QĐ-TTg ngày 20/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/08/2006
2013	:	Chính phủ đã ban hành Nghị định số 151/2013/NĐ-CP về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước
2014	:	Chính phủ đã ban hành Nghị định số 57/2014/NĐ-CP về Điều lệ và tổ chức hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước
2017	:	Chính phủ đã ban hành Nghị định số 147/2017/NĐ-CP sửa đổi bổ sung Nghị định 151/2013/NĐ-CP và Nghị định số 148/2017/NĐ-CP thay thế Nghị định 57/2014/NĐ-CP
2018	:	Bộ Tài chính đã hoàn thành việc bàn giao SCIC về Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp
2022	:	Ngày 21/10/2022, SCIC được trao Huân chương Lao động hạng Nhì ghi nhận những thành quả của doanh nghiệp.
2023	:	Ngày 10 - 11/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2035 cho SCIC
2024	:	Trong khuôn khổ chuyến thăm và làm việc tại Ý và Hy Lạp từ ngày 22-25/10/2024, SCIC đã làm việc với Tập đoàn SACE và có Lễ Ký kết MoU giữa SCIC và Tập đoàn.
2025	:	Ngày 28/05/2025, Lễ ký kết chuyển giao quyền, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước từ Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp về Bộ Tài chính gồm 18 tập đoàn, Tổng công ty, trong đó có SCIC.

3. Mối quan hệ với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy Sản An Giang

Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước là cổ đông của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy Sản An Giang.

4. Số cổ phần sở hữu

Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước đang sở hữu 2.316.892 cổ phần (chiếm tỷ lệ 8,24% tổng số cổ phần đã phát hành theo vốn điều lệ thực góp) của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy Sản An Giang.

Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy Sản An Giang chứng nhận số cổ phần của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước đầu tư tại Công ty như sau:

Số lượng cổ phần Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy Sản An Giang của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước đang nắm giữ tại thời điểm 27/02/2026: 2.316.892 cổ phần (tính theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần). Loại cổ phần phổ thông, được tự do chuyển nhượng.

Giá trị vốn đầu tư của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại Công ty: 23.168.920.000 đồng (theo mệnh giá).

Số lượng cổ phần Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy Sản An Giang của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước dự kiến chào bán: 2.316.892 cổ phần.

Số lượng cổ phiếu Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy Sản An Giang đang đăng ký giao dịch tại UpCom tại thời điểm 30/06/2026: 28.109.743 cổ phần tương đương vốn điều lệ 281.097.430.000 đồng; Số lượng cổ phiếu Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy Sản An Giang đang lưu hành tại thời điểm 30/06/2026: 28.109.743 cổ phần, Công ty không có cổ phiếu quỹ.

SCIC chào bán toàn bộ số lượng cổ phiếu đang sở hữu tại Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy Sản An Giang, tương đương tỷ lệ cổ phiếu chào bán/cổ phiếu đang sở hữu là 100%.

Tỷ lệ cổ phiếu chào bán/tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 8,24%.

VI. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CÓ VỐN NHÀ NƯỚC CHUYỂN NHƯỢNG

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin khái quát

Tên Công ty	:	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG
Tên tiếng Anh	:	An Giang Fisheries Import & Export Joint Stock Company
Tên viết tắt	:	AGIFISH CO
Vốn điều lệ	:	281.097.430.000 đồng (Hai trăm tám mươi mốt tỷ không trăm chín mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng).
Trụ sở	:	1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam
Điện thoại	:	(029) 6385 2368
Số Fax	:	(029) 6385 2202
Giấy chứng nhận ĐKDN	:	Số 1600583588 do Sở Tài chính An Giang cấp lần đầu ngày 10/08/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 24/08/2025
Lĩnh vực kinh doanh chính	:	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty được quy định theo khoản 1 Điều 4 Điều lệ Công ty ban hành theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQĐHĐCĐ/2024 ngày 21/06/2024 và Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 03/07/2024:

Mã ngành	Chi tiết
1020 (Chính)	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản *Chi tiết: Sản xuất, chế biến các sản phẩm từ thủy sản.* *Chi tiết: Sản xuất, chế biến dầu biodiesel từ mỡ cá (trừ Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa hạn chế đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: Thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải được loại trừ ra khỏi phạm vi cam kết)*
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu *Chi tiết: Mua bán vật tư nguyên liệu, hóa chất phục vụ cho sản xuất (không mang tính độc hại).* *Chi tiết: Mua bán thuốc thú y, thủy sản (trừ Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: Thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải được loại trừ ra khỏi phạm vi cam kết.)*
4633	Bán buôn đồ uống *Chi tiết: Mua bán đồ uống các loại*
2100	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu *Chi tiết: Sản xuất thuốc thú y, thủy sản*
1080	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản *Chi tiết: Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản*
4321	Lắp đặt hệ thống điện *Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cơ điện* *Chi tiết: Lắp đặt điện trong nhà*
4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí *Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thông gió, điều hòa cấp nhiệt* *Chi tiết: Lắp đặt hệ thống làm lạnh, kho lạnh, điều hòa trung tâm* *Chi tiết: Lắp đặt hệ thống bơm, ống nước, điều hòa không khí*

Mã ngành	Chi tiết
	Chi tiết: Lắp đặt ống nước, thoát nước, bơm nước
2599	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu *Chi tiết: Chế tạo thiết bị cho ngành chế biến thực phẩm, thủy sản*
0322	Nuôi trồng thuỷ sản nội địa Chi tiết: Nuôi thủy sản
4312	Chuẩn bị mặt bằng *Chi tiết: San lấp mặt bằng*
4100	Xây dựng nhà các loại
4101	Xây dựng nhà để ở
4102	Xây dựng nhà không để ở
4390	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác *Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp*
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác *Chi tiết: Mua bán vật tư thiết bị cấp nước trong nhà* *Chi tiết: Mua bán vật tư thiết bị, dụng cụ hệ thống điện*
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê *Chi tiết: Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê (Doanh nghiệp phải đảm bảo trong suốt quá trình hoạt động, vốn chủ sở hữu không được thấp hơn 6 (sáu) tỷ đồng)* *Chi tiết: Cho thuê văn phòng* *Chi tiết: Cho thuê đất nuôi trồng thủy sản* *Chi tiết: Đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê (Trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)*
8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu *Chi tiết: Dịch vụ nhà đất*
5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa *Chi tiết: Dịch vụ kho vận, cho thuê kho lạnh, kiểm tra hàng, cân hàng hóa thủy sản*
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ *Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ*

Mã ngành	Chi tiết
7710	Cho thuê xe có động cơ *Chi tiết: Cho thuê phương tiện vận tải đường bộ*
4632	Bán buôn thực phẩm *Chi tiết: Mua bán thủy, hải sản đông lạnh, thực phẩm và mua bán dầu biodiesel từ mỡ cá*
4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình

1.3. Quá trình hình thành và phát triển

1985 : Tiền thân của Công ty trước đây là nhà máy đông lạnh của Công ty Thuỷ sản An Giang được khởi công xây dựng năm 1985 và đi vào hoạt động vào tháng 03 năm 1987.

1995 : Tháng 11 năm 1995 Công ty Xuất nhập khẩu Thuỷ sản An Giang (AGIFISH) được thành lập theo quyết định số 964/QĐQU của UBND Tỉnh An Giang ký ngày 20/11/1995.

2000 : Công ty AGIFISH được Nhà nước tặng danh hiệu "Anh Hùng Lao Động" và đã trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam trong ngành thủy sản.

2001 : Ngày 01/09/2001, Công ty AGIFISH chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần

2002 : Công ty AGIFISH chính thức được cấp phép niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán là AGF.

2003 - 2015 : Trên thị trường trong nước sản phẩm chế biến từ cá Tra, Basa Agifish là "Hàng Việt Nam chất lượng cao" liên tục từ năm 2003 đến 2015 do người tiêu dùng bình chọn.

2020 : Ngày 17/02/2020, AGIFISH hủy niêm yết trên sàn HOSE theo quyết định số 24/QĐ-SGDHCM ngày 16/02/2020 của Sở giao dịch Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh;

Ngày 24/02/2020, ngày đầu tiên cổ phiếu AGF giao dịch trên UPCoM;

Ngày 20/02/2020 HNX thông báo hạn chế giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCom đối với cổ phiếu CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang (MCK: AGF) theo đó cổ phiếu Công ty chỉ được giao dịch vào phiên thứ Sáu hàng tuần cho đến khi có thông báo cho phép giao dịch bình thường.

2021 - 2023 : Trên thị trường trong nước sản phẩm chế biến từ cá Tra, Basa AGIFISH là "Hàng Việt Nam chất lượng cao" liên tục từ năm 2003 đến 2023 do người tiêu dùng bình chọn.

2024 - Nay : Những năm gần đây, AGIFISH gặp nhiều khó khăn do biến động thị trường và chi phí sản xuất, tuy nhiên đang nỗ lực tái cấu trúc để hướng tới lợi nhuận trở lại.

2. Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Công ty

2.1. Cơ cấu tổ chức

Hình 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty

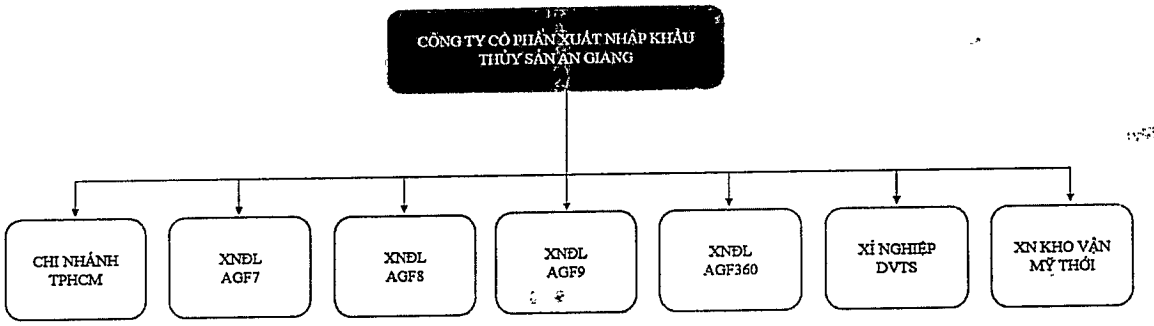

(Nguồn: AGIFISH)

Cơ cấu tổ chức hiện tại của Công ty gồm:

❖ **Văn phòng Công ty:** Nơi đặt trụ sở chính của Công ty, có văn phòng làm việc của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các phòng, ban nghiệp vụ:

- Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Tỉnh An Giang.
- Điện thoại : (029) 6385 2368 Fax: (029) 6385 2202

❖ **Các đơn vị trực thuộc:**

- Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
  + Địa chỉ: Lầu 7, Tòa nhà RESCO, số 94 – 96 Nguyễn Du, phường Sài Gòn, TP. HCM
  + Điện thoại: (028) 3825 1100 – (028) 2829 9769
  + Fax: (028) 3822 5022
- Xí nghiệp Đông lạnh AGF 7 (Chi nhánh)
  + Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Tỉnh An Giang
  + Điện thoại: (029) 6385 4241 Fax: (029) 6385 2202
- Xí nghiệp Đông lạnh AGF 8 (Chi nhánh)
  + Địa chỉ: Số 336, Quốc lộ 91, Xã An Châu, Tỉnh An Giang
  + Điện thoại: (029) 6383 6221 Fax: (029) 6383 6254
- Xí nghiệp Đông lạnh AGF 9 (Chi nhánh)
  + Địa chỉ: Số 2222 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Tỉnh An Giang.
  + Điện thoại: (029) 6385 7590 Fax: (029) 6385 2202

- Xí nghiệp chế biến thực phẩm AGF360 (Chi nhánh)
  + Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Tỉnh An Giang
  + Điện thoại: (029) 6385 7590
- Xí nghiệp Kho Vận Mỹ Thới (Chi nhánh)
  + Địa chỉ: Số 206 Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thạnh, Tỉnh An Giang
  + Điện thoại: (029) 6393 0379 Fax: (029) 6393 0379
- Xí nghiệp dịch vụ thủy sản
  + Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Tỉnh An Giang
  + Điện thoại: (029) 6385 7782

2.2. Mô hình tổ chức quản lý của Công ty

Hình 2: Mô hình tổ chức quản trị của Công ty

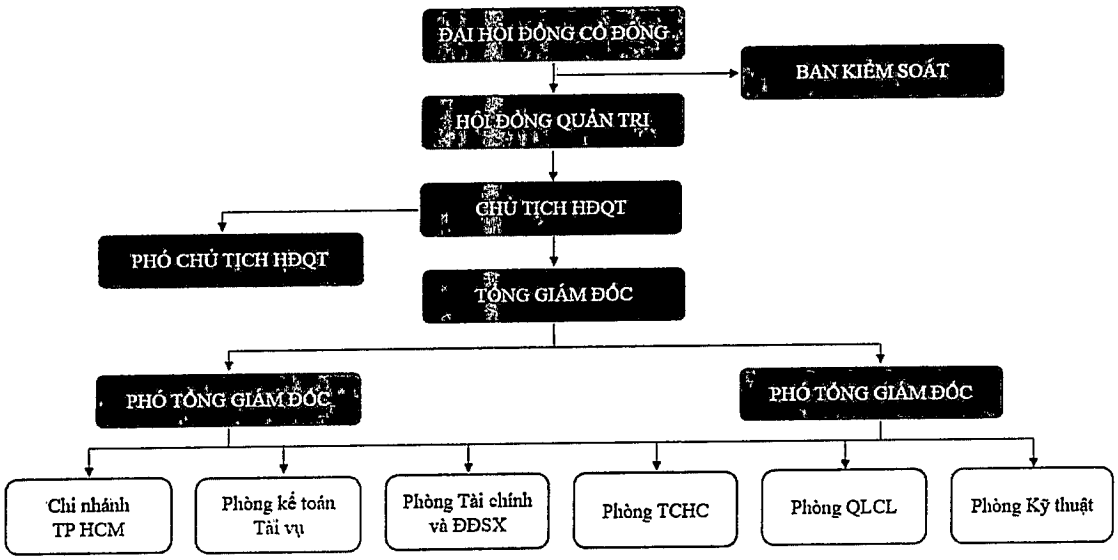

(Nguồn: AGIFISH - – Báo cáo thường niên năm 2025)

❖ **Đại hội đồng cổ đông:** Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, quyết định mọi vấn đề được luật pháp và điều lệ của Công ty quy định.

- Thông qua Điều lệ; thông qua các báo cáo của Hội đồng Quản trị về tình hình hoạt động kinh doanh; quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư; tiến hành thảo luận thông qua, bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Công ty; thông qua các chiến lược phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Bầu, bãi nhiệm HĐQT và BKS;
- Các nhiệm vụ khác do Điều lệ Công ty quy định.

❖ **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

- Báo cáo trước ĐHĐCĐ tình hình kinh doanh, dự kiến phân phối lợi nhuận, chia lãi cổ phần, báo cáo quyết toán năm tài chính, phương hướng phát triển và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy, quy chế hoạt động của Công ty;
- Bổ nhiệm, bãi nhiệm và giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc;
- Kiến nghị sửa đổi và bổ sung Điều lệ của Công ty;
- Quyết định triệu tập ĐHĐCĐ;
- Các nhiệm vụ khác do Điều lệ Công ty quy định.

❖ **Ban kiểm soát:** Do ĐHĐCĐ bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

❖ **Tổng Giám đốc:** Là người có trách nhiệm quản lý và điều hành mọi hoạt động của Công ty theo đúng pháp luật Nhà nước, các quy định của ngành, điều lệ, quy chế, quy định của Công ty, cụ thể:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động hằng ngày của Công ty;
- Tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty;
- Tổng Giám đốc là người tham mưu cho HĐQT hoạch định các mục tiêu, chính sách;
- Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các bộ phận nghiệp vụ, chi nhánh.

❖ **Các phòng ban chức năng:** Có chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc, trực tiếp hoạt động và điều hành theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc.

- Phòng kế toán tài vụ: Có nhiệm vụ tổ chức bộ máy kế toán, quản lý tài chính của Công ty, lập sổ sách, hạch toán, báo cáo số liệu kế toán, trực tiếp công tác kế toán cho toàn bộ nhà máy.
- Phòng kế hoạch và điều độ sản xuất: Phòng lập kế hoạch sản xuất cho các xí nghiệp, hoàn thành các thủ tục xuất khẩu, lập kế hoạch kinh doanh cho Công ty.
- Phòng tổ chức hành chính: Có nhiệm vụ quản lý điều hành công tác hành chính tổ chức của Công ty, theo dõi, giải quyết các chế độ chính sách cho người lao động.
- Phòng quản lý chất lượng: Có nhiệm vụ quản lý chất lượng sản phẩm và môi trường, xây dựng công nghệ chế biến các sản phẩm mới, nghiên cứu cải tạo, đa dạng hóa sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường, lập kế hoạch quản lý chất lượng cho Công ty.
- Phòng kỹ thuật: Có nhiệm vụ hỗ trợ kỹ thuật trong hoạt động xuất khẩu và quản lý thiết bị, máy móc sản xuất. Đồng thời, phòng kỹ thuật phối hợp đào tạo nội bộ và xử

lý các vấn đề phát sinh về kỹ thuật nhằm đảm bảo hiệu quả sản xuất và uy tín của doanh nghiệp trên thị trường.

3. Công ty con, công ty liên kết

- Danh sách công ty con: Không có
- Danh sách công ty liên kết: Không có
- Danh sách những công ty con của Tổ chức có vốn nhà nước chuyển nhượng: Không có
- Danh sách công ty của Tổ chức có vốn nhà nước chuyển nhượng nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: Không có

4. Các sản phẩm của Công ty

Sản phẩm chính của Công ty bao gồm sản phẩm thủy sản chưa chế biến, sản phẩm giá trị gia tăng, và sản phẩm từ phụ phẩm. Trong niên độ tài chính 2025, tổng sản lượng xuất khẩu đạt 683,76 tấn, kim ngạch xuất khẩu là 1,99 triệu USD. Cơ cấu hàng xuất khẩu chủ yếu tập trung ở thị trường Châu Á, Úc và Châu Âu.

❖ **Sản phẩm thủy sản chưa chế biến:** Cá Tra, cá Basa đông lạnh

- **Sản phẩm của Công ty được chia thành nhiều loại dựa trên kích cỡ và cách đóng gói:**

- Kích cỡ: cá Basa và cá Tra thường phân ra các cỡ loại: 60 – 120, 120 – 170, 170 – 220, 220 – 300, 300 – UP, >170 (gr/miếng cá).
- Đóng gói: sản phẩm cá Basa và cá Tra được đóng gói dưới hai hình thức chính là đông rời (IQF) và đông khối (BLOCK)
  + Đông rời: cho 1 kg thành phẩm vào túi nhựa PE hàn kín miệng, xếp 10 túi cùng cỡ loại cho vào thùng Carton và dùng đai nẹp 2 ngang 2 dọc.
  + Đông khối: cho mỗi khối 5 kg vào túi nhựa PE hàn kín miệng, xếp hai khối cùng cỡ loại cho vào thùng Carton và dùng đai nẹp 2 ngang 2 dọc.
  + Ngoài ra tùy theo yêu cầu của khách hàng, sản phẩm còn được đóng gói theo nhiều dạng khác nhau, ví dụ: 5kg/PE – 10kg/thùng, v.v…
  + Bao bì sử dụng loại giấy carton, in nhãn hiệu phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam về quy định nhãn hiệu hàng hóa xuất khẩu.

- **Chất lượng sản phẩm:**

- Các tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm luôn được đưa lên hàng đầu nhằm đảm bảo chất lượng vệ sinh, an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng và đã được các khách hàng công nhận. Sản phẩm thực hiện theo tiêu chuẩn của khách hàng nhưng không thấp hơn tiêu chuẩn Việt Nam.
- Hiện nay sản phẩm cá đông lạnh của Công ty được quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn HACCP và ISO 9001:2000. Sản phẩm của AGIFISH đã được cấp mã (code) vào thị trường Châu Âu (EU) là DL07, DL08, DL09 và DL360.

Hình 3: Sản phẩm thủy sản chưa chế biến

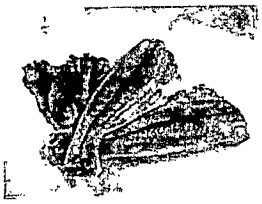

CÁ TRA FILLET



CHẢ CÁ THÁT LÁT

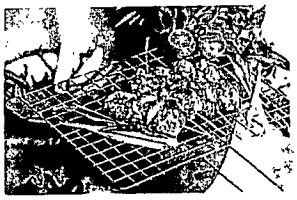

BASA TẨM SẢ TẾ



ĐẦU CÁ BASA

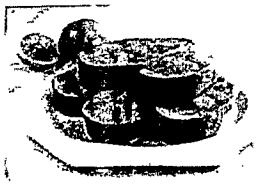

BASA CẮT KHÚC

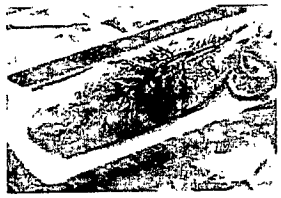

BASA FILLET



BASA FILLET TẨM SẢ ỚT

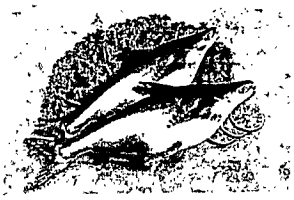

BASA NGUYÊN CON

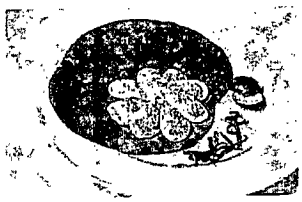

BẢO TỬ CÁ BASA

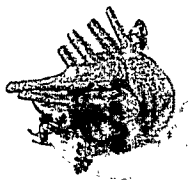

CHẠO CÁ BASA

❖ **Sản phẩm giá trị gia tăng**

Hình 4: Sản phẩm giá trị gia tăng, sản phẩm chế biến



SUSHI BASA NGUYÊN DA

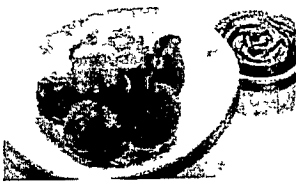

CÁ VIÊN TẨM BỘT XÙ

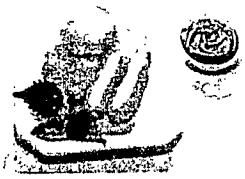

TÀU HỦ TẨM BỘT XÙ



FISHBURGER BASA



CHẢ GIÒ BASA

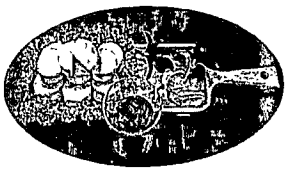

TÀU HŨ BASA

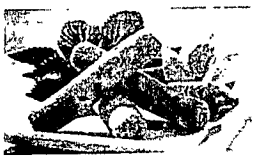

CHẢ QUẾ BASA



CÁ VIÊN BASA THÌ LÀ

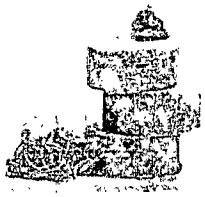

TÀU HŨ RONG BIỂN BASA

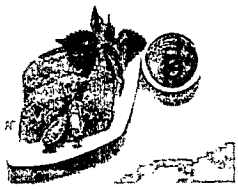

CÁ CẮT MIẾNG TẨM BỘT CHIÊN XÙ

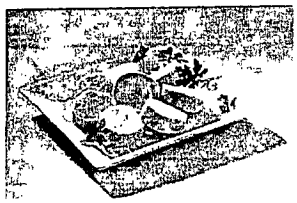

TÀU HŨ CÁ PHÔ MAI



KHÔ CÁ TRA MỘT NẮNG



BASA CẮT SỢI TẨM BỘT



ỐC NHỒI BASA



BASA BẮP NON

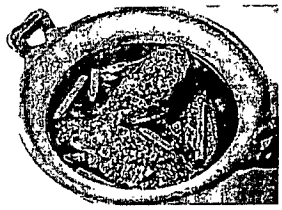

CÁ BASA KHO TỘ



CHẢ CÁ BASA

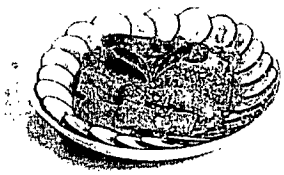

CÁ BASA XÀO NGHỆ



CÁ VIÊN BASA



SOUTHERN FRIED



SALT & PEPPER



HOT & SPICY



BREADED

❖ **Sản phẩm từ phụ phẩm**

Các phần còn lại của cá Tra, cá Basa sau khi đã lấy đi phần thịt nạc cho xuất khẩu gồm có đầu xương, da, thịt vụn và mỡ. Tỷ lệ khối lượng phụ phẩm chiếm 60% – 70% khối lượng cá nguyên liệu. Phụ phẩm này chủ yếu được chế biến thành mỡ thực phẩm và bột cá.

Chất lượng bột cá và mỡ thực phẩm đã đạt được những tiêu chuẩn cần thiết do Viện Pasteur TP. Hồ Chí Minh kiểm nghiệm.

5. Nguyên liệu phục vụ sản xuất của Công ty

Cá Basa và đặc biệt là cá Tra là nguyên liệu chính trong hoạt động chế biến thủy sản đông lạnh của Công ty. Nghề nuôi cá, từ chỗ hoàn toàn lệ thuộc vào nguồn cá giống khai thác tự nhiên đã chuyển sang hoàn toàn chủ động về giống và mở rộng từ nuôi bè sang nuôi ao và nuôi đăng quầng, hồ ở các cồn trên sông. Với những ưu thế về đặc tính sinh học như khỏe, dễ nuôi, ít bệnh, dễ sinh sản nhân tạo, thêm vào đó điều kiện thời tiết của vùng đầu nguồn sông

Cửu Long khá phù hợp, đảm bảo việc nuôi cá có thể thực hiện quanh năm. Hai tỉnh An Giang và Đồng Tháp nằm ở đầu nguồn sông Tiền và sông Hậu với những ưu đãi của thiên nhiên, môi trường sinh thái phù hợp đã trở thành trung tâm của hoạt động nuôi cá.

Để đáp ứng với những yêu cầu kiểm tra chất lượng sản phẩm, cũng như để đảm bảo sự an toàn của sản phẩm, quản lý tốt nguồn nguyên liệu, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái và ổn định nguồn nguyên liệu đầu vào, Công ty đã thành lập Liên hợp Sản xuất Cá sạch APPU năm 2005 với sự tham gia của 19 hộ nuôi cá nhằm nâng cao giá trị sản phẩm, tăng thêm lợi nhuận cho người nuôi cá. Mục đích chính của APPU là:

- Cung cấp cho thị trường những sản phẩm đúng yêu cầu;
- Góp phần điều tiết cung - cầu tạo cơ sở phát triển bền vững cho ngành cá bè tỉnh An Giang nói riêng và cả khu vực đồng bằng sông Cửu Long nói chung;
- Tiếp nhận thông tin kỹ thuật, ứng dụng cho chăn nuôi cùng nhau trao đổi, hoàn thiện quy trình chăn nuôi sao cho đạt được hiệu quả cao nhất cho từng thành viên trong liên hợp;
- Thực hiện chương trình kiểm soát chất lượng sản phẩm từ "Vùng nuôi đến bàn ăn";
- Tôn chỉ hoạt động: Để thực hiện những mục đích trên, Liên hợp yêu cầu bắt buộc tất cả những thành viên phải thực hiện chung chương trình Quản lý chất lượng SQF 1000. Tiêu chuẩn này xuyên suốt trong quá trình chăn nuôi cho đến chế biến sản phẩm.

Mối quan hệ giữa Công ty và các thành viên Liên hợp dựa trên nguyên tắc bình đẳng, dân chủ, cùng nhau có lợi và hỗ trợ nhau xây dựng kế hoạch sản xuất tạo sự ổn định trong chăn nuôi cũng như chế biến để đáp ứng nhu cầu thị trường về chất lượng, giá cả, số lượng, cơ cấu, uy tín và đảm bảo thời gian giao hàng.

Định hướng phát triển của Liên hợp Sản xuất Cá sạch APPU là từng bước chuyển dần sản phẩm hiện tại qua sản phẩm cá sạch cho Công ty, cho toàn Tỉnh An Giang và cho cả đồng bằng sông Cửu Long. Đây là một hướng đi tích cực của Công ty nhằm cải thiện ngành công nghiệp cá Tra, Basa của cả khu vực.

Ngoài nguyên liệu để chế biến thành phẩm là cá Tra và cá Basa, những nguyên vật liệu khác cần thiết cho quá trình sản xuất là bao bì (PE) và các loại thùng, hộp carton dùng để đóng gói. Hiện tại, Công ty có một phân xưởng sản xuất bao bì bằng PE và thực hiện in ấn nhãn mác hàng hóa. Các loại thùng, hộp carton được Công ty mua từ các nhà cung cấp bên ngoài.

Căn cứ vào kế hoạch và tình hình sản xuất trong tháng, Phòng Kế hoạch và Điều độ sản xuất sẽ lên kế hoạch nhập nguyên vật liệu cụ thể. Ngoài ra còn có các loại nguyên vật liệu đi với từng hợp đồng cụ thể sẽ đáp ứng theo từng yêu cầu. Thời gian lưu kho nguyên vật liệu đảm bảo đủ sản xuất trong tháng không để tồn đọng. Các nguyên vật liệu tồn đọng rất ít xảy ra, nếu có là do đặt trước theo hợp đồng xuất khẩu nhưng sau đó không thực hiện.

6. Trình độ công nghệ, quy trình sản xuất của Công ty

Công ty là doanh nghiệp đầu tiên của ngành thủy sản áp dụng mô hình sản xuất kinh doanh khép kín từ khâu sản xuất cá giống, phát triển sinh sản nhân tạo, nuôi cá bè, chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu và chế biến tận dụng các phụ phẩm của cá Tra và cá Basa. Quy trình sản xuất của Công ty hiện nay được tổ chức qua các đơn vị kinh doanh khép kín như sau:

❖ **Nguồn nguyên liệu đầu vào**

Được cung cấp trực tiếp từ các vùng nuôi của công ty và Liên hợp sản xuất cá sạch APPU.

❖ **Chế biến**

Từ nguyên liệu đầu vào sẽ được chế biến tại các Xí nghiệp chế biến của Công ty. Hiện Công ty có các xí nghiệp chế biến sau: Xí nghiệp chế biến thuỷ sản đông lạnh 7, Xí nghiệp chế biến thuỷ sản đông lạnh 8 và Xí nghiệp chế biến thuỷ sản đông lạnh 9.

Quy trình sản xuất chế biến thủy sản đông lạnh của các Xí nghiệp được thực hiện theo chương trình quản lý chất lượng "Phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn – HACCP", ISO 9001:2000, BRC, SQF 2000.

Đặc điểm của dây chuyền là các công đoạn chế biến cá đông lạnh sử dụng nhiều lao động thủ công, và có khả năng chuyển đổi từ sản phẩm cá đông lạnh sang các sản phẩm thủy sản đông lạnh khác như tôm, mực. Ngoài ra, các Xí nghiệp đông lạnh đều có trang bị hệ thống xử lý nước thải và thực hiện các biện pháp vệ sinh môi trường cần thiết nhằm hạn chế tác động vào môi trường sinh thái và sinh hoạt của cộng đồng dân cư trong khu vực.

Phần lớn thiết bị đông lạnh của các Xí nghiệp đông lạnh được trang bị có công nghệ tiên tiến đáp ứng những yêu cầu của các thị trường lớn như Mỹ và Tây Âu. Công ty sử dụng công nghệ tạo nước đá vảy nên vấn đề vệ sinh trong chế biến được đảm bảo. Ngoài ra chất lượng cá đông lạnh được bảo quản tốt hơn, không bị mất đi chất dinh dưỡng trong thịt cá.

❖ **Phụ phẩm**

Các sản phẩm phụ phẩm từ khâu chế biến như đầu cá, xương cá, mỡ cá... sẽ được chế biến tại Xí nghiệp Chế biến thực phẩm AGF360.

Đầu năm 2001, Công ty sau một thời gian hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất bột cá đã nâng cấp phân xưởng chế biến phụ phẩm thành Xí nghiệp chế biến thực phẩm. Xí nghiệp chế biến thực phẩm là phần cuối cùng trong hệ thống sản xuất của Công ty.

Xí nghiệp chế biến thực phẩm nằm đối diện trụ sở chính Công ty tại tỉnh An Giang, gồm 2 phân xưởng: phân xưởng chế biến phụ phẩm (F10) và phân xưởng chế biến hàng giá trị gia tăng (F9).

Phân xưởng phụ phẩm chế biến trung bình được 30 tấn bột cá (bột ướt), 8 tấn mỡ cá/ngày. Sản phẩm của phân xưởng hiện nay chủ yếu cung cấp cho các nhà máy chế biến thức ăn gia súc và các hộ nuôi gia súc, thủy sản.

❖ **Quy trình sản xuất qua các công đoạn như sau:**

- Phân loại, sơ chế.
- Phần thô: Xay thô => phơi và sấy khô => nghiền nhỏ thành bột thức ăn gia súc.
- Phần mỡ: Nấu mỡ cá => lọc => chiết thành mỡ thực phẩm.

Phân xưởng chế biến hàng GTGT: Chế biến các mặt hàng GTGT từ nguyên liệu cá Basa, cá Tra tiêu thụ thị trường nội địa và xuất khẩu.

Hình 5: Quy trình sản xuất

Sơ đồ chế biến cá Tra, cá Basa

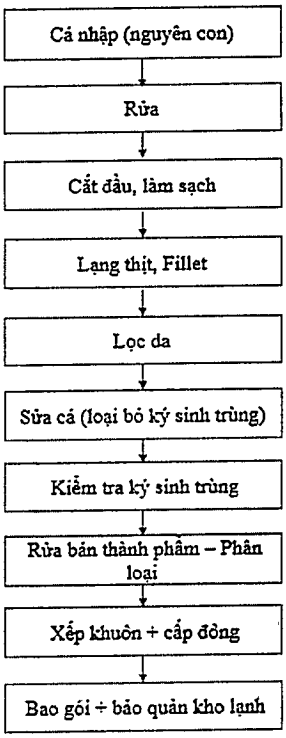

Sơ đồ chế biến phụ phẩm

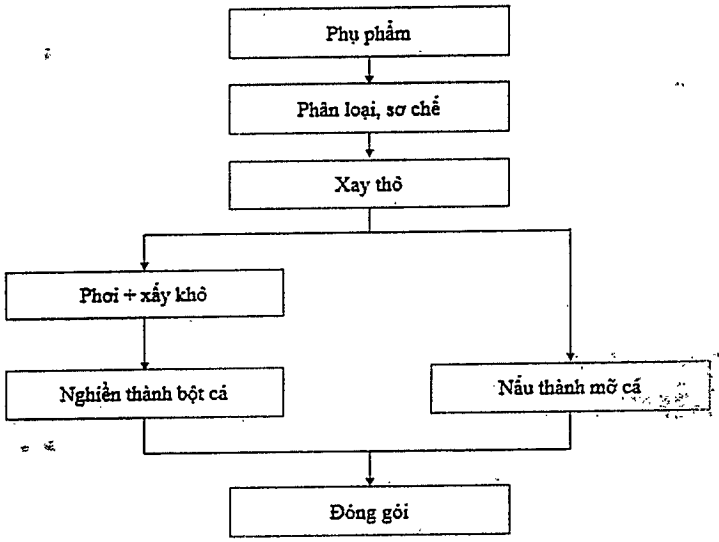

(Nguồn: AGIFISH)

❖ **Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ**

Trong lĩnh vực chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu việc kiểm tra chất lượng sản phẩm là vấn đề rất quan trọng. Ở Mỹ, HACCP là quy định bắt buộc áp dụng đối với thủy sản và sản phẩm thủy sản bắt đầu có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 1997. Nhận thức được điều đó, từ năm 1997 Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn HACCP". Năm 2002, tổ chức SGS cấp chứng nhận ISO 9001:2000 và Công ty được cấp chứng nhận BRC và SQF 2000 trong năm 2005. Đây là những công cụ hữu ích và quan trọng để đánh giá mối nguy và thiết lập các hệ thống kiểm soát tập trung vào việc phòng ngừa thay cho việc chỉ kiểm tra thành phẩm. Nhờ vậy các sản phẩm thủy sản đông lạnh của Công ty đã đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng Mỹ và Châu Âu. Đến nay sản phẩm của Công ty đã được cấp 4 mã số (code) vào Châu Âu.

Về nhân sự, AGIFISH đã có hơn 100 cán bộ nhân viên có chứng chỉ quản lý chất lượng do các tổ chức trong và ngoài nước cấp. Ngoài ra, Công ty cũng thường xuyên cử cán bộ kỹ thuật (KCS) đi dự các lớp đào tạo về chương trình quản lý chất lượng do SEAQIP và NAFIQAVED tổ chức; bên cạnh đó cũng đã mời các chuyên gia tư vấn của FDA đến làm việc tại Công ty để góp ý về chương trình HACCP của Công ty.

Để đảm bảo các tiêu chuẩn vệ sinh trong sản xuất, Công ty trang bị phòng kiểm nghiệm. Kiểm tra các chỉ tiêu vi sinh theo tiêu chuẩn của EU: TPC, Coliforms, Stap, Enterro Ecoli, Sal, Listeria, Vibrio và các hóa chất kháng sinh cấm như: Chloramphenicol, Nitrofuzan, Nhóm

Fluoroquinolones, Malachite Green và Leuco Malachite Green, nhằm kịp thời chấn chỉnh hoặc khuyến cáo nếu bị nhiễm vi sinh.

Ngoài ra, Công ty còn đầu tư hệ thống xử lý nước thải hiện đại cho các Xí nghiệp chế biến. Đồng thời kết hợp với các ngành chức năng của địa phương giúp ngư dân thực hiện tốt các quy định về việc bảo vệ môi trường, hạn chế gây ô nhiễm môi trường nuôi, tạo sản phẩm cá nuôi có chất lượng ngày càng tốt hơn đáp ứng yêu cầu xuất khẩu.

Quản lý chất lượng là quá trình được áp dụng với tất cả các khâu trong quy trình sản xuất của Công ty. Đây là một quy trình khép kín từ khâu kiểm tra chất lượng cá nguyên liệu trước khi được chở tới Xí nghiệp, đến các công đoạn chế biến sản phẩm đông lạnh, đóng gói và bảo quản thành phẩm cho xuất khẩu.

- **Đối với nguyên liệu đầu vào, bộ phận thu mua đánh giá dựa trên những tiêu chuẩn sau:**

- Mỗi lô nguyên liệu trước khi thu hoạch được phòng kiểm nghiệm của Công ty lấy mẫu kiểm tra đạt yêu cầu về dư lượng hóa chất kháng sinh cấm theo quy định hiện hành của Bộ Thủy Sản.
- Mỗi lô nguyên liệu phải kèm theo tờ cam kết và tờ khai xuất xứ nguyên liệu;
- Cá nguyên liệu phải còn sống khi đến nhà máy, không có dấu hiệu bị bệnh;
- Không được sử dụng thuốc kháng sinh trong vòng 28 ngày trước khi thu hoạch để đảm bảo an toàn thực phẩm;
- Đảm bảo đúng kích cỡ theo hợp đồng.

- **Đối với thành phẩm, bộ phận KCS sẽ kiểm tra chất lượng theo những tiêu chuẩn sau:**

- Đảm bảo chất lượng vệ sinh, an toàn cho người tiêu dùng;
- Đảm bảo đúng kích cỡ trọng lượng tịnh;
- Có giá trị cảm quan: màu trắng đẹp, mùi tự nhiên, vị ngọt, cơ cấu thịt săn chắc không lẫn tạp chất;
- Nhiệt độ trung tâm sản phẩm ≤ -18°C;
- Theo đúng cơ cấu hợp đồng đã được xác nhận giữa khách hàng, thị hiếu, thị trường và Công ty.

❖ **Hoạt động Marketing và tìm kiếm Khách hàng mới.**

- Hiện Công ty mất khá nhiều khách hàng truyền thống, do đó Công ty đang đẩy mạnh các hoạt động thương mại, tìm kiếm khách hàng mới thay thế các khách hàng truyền thống đã mất, tăng cường năng lực quản lý trong sản xuất để hạ giá thành đủ sức cạnh tranh nhằm thu hút khách hàng mới.
- Tiếp tục giữ vững thương hiệu AGIFISH để đáp ứng lòng tin khách hàng, từng bước khôi phục lại quy mô của Công ty, đưa công ty dần trở lại, tạo lợi ích cho cổ đông.
- Liên kết cùng các đơn vị thành viên khác trong tập đoàn Hùng Vương để tạo lợi thế

cạnh tranh về chất lượng sản phẩm và thị trường tiêu thụ.

- Tập trung phát triển sản xuất các sản phẩm giá trị gia tăng từ cá Tra đáp ứng yêu cầu khắt khe của thị trường Châu Âu để tiến tới tăng giá trị xuất khẩu.

7. Cơ cấu cổ đông

Vốn điều lệ thực góp tại ngày 31/12/2025 của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang là 281.097.430.000 đồng.

Cơ cấu cổ đông của Công ty theo danh sách cổ đông VSDC chốt ngày 27/02/2026:

Bảng 1: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 27/02/2026

STT	Cơ cấu cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	**Cổ đông đặc biệt**	-	-
	- *HĐQT, BGĐ*	-	-
	- *BKS*	-	-
2	**Cổ phiếu quỹ**	-	-
3	**Cổ đông trong nước**	**27.978.719**	**99,53**
	- *Tổ chức*	*24.788.842*	*88,19*
	Trong đó cổ đông nhà nước	*2.316.892*	*8,24*
	- *Cá nhân*	*3.189.877*	*11,34*
4	**Cổ đông nước ngoài**	**131.024**	**0,47**
	- *Tổ chức*	*41.603*	*0,15*
	- *Cá nhân*	*89.421*	*0,32*
Tổng cộng		**28.109.743**	**100**

Nguồn: AGIFISH

Bảng 2: Danh sách cổ đông lớn (từ 5% trở lên) tại ngày 27/02/2026

STT	Tên cổ đông	Số lượng	Tỷ lệ
1	Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) Người đại diện: Nguyễn Thị Huyền Trang	2.316.892	8,24%
2	Công ty Cổ phần Hùng Vương Người đại diện: Dương Ngọc Minh	22.370.625	79,58%

Nguồn: AGIFISH

8. Danh sách những công ty mẹ và các công ty đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

Bảng 3: Danh sách công ty mẹ, công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành

Tên công ty	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Lô 44, Khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	22.370.625	79,58

Nguồn: AGIFISH

9. Danh sách HĐQT, TGĐ, Kế toán trưởng, BKS

Bảng 4: Danh sách và tình hình sở hữu cổ phần của HĐQT và Ban TGĐ, Kế toán trưởng và BKS

STT	Danh sách	Chức vụ hiện tại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông: **Châu Duy Cường**	Chủ tịch HĐQT (thành viên độc lập)	0%
2	Ông: **Dương Ngọc Minh**	Phó chủ tịch HĐQT (thành viên không điều hành)	*(Đại diện sở hữu phần vốn của Công ty Cổ phần Hùng Vương)* Đại diện sở hữu: 22.370.625 cổ phiếu tương đương 79,58%
3	Ông: **Nguyễn Văn Ký**	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc	0%
4	Ông: **Nguyễn Văn Dũng**	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc.	0%
5	Ông: **Huỳnh Xuân Vinh**	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc	0%
6	Ông: **Võ Quốc Khánh**	Thành viên HĐQT độc lập	0%
7	Ông: **Phan Minh Trí**	Trưởng Ban kiểm soát	0%
8	Bà: **Lê Thị Ngọc Giàu**	Thành viên Ban kiểm soát	0%
9	Ông: **Nguyễn Tường Huy**	Thành viên Ban kiểm soát	0%
10	Bà: **Hồ Xuân Hương**	Kế Toán Trưởng	0%

Nguồn: AGIFISH

10. Cơ cấu lao động

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 1.738 người và tại ngày 31/12/2025 là 1.645 người.

Chỉ tiêu phân loại		31/12/2024	31/12/2025	Tỷ lệ
Theo trình độ	Trên Đại học	1	1	0,06%
	Đại học	86	85	5,17%
	Cao Đẳng	21	20	1,22%
	Trung cấp, sơ cấp	54	53	3,22%
	Lao động phổ thông	1.576	1.486	90,33%
Tổng cộng		**1.738**	**1.645**	**100%**
Theo giới tính	Nam	829	758	46,08%
	Nữ	909	887	53,92%
Tổng cộng		**1.738**	**1.645**	**100%**

(Nguồn: AGIFISH)

10.1. Chính sách tiền lương, thưởng, trợ cấp, phúc lợi

Chính sách lương – thưởng của Công ty thường xuyên được cập nhật, đảm bảo đúng các quy định về mức lương tối thiểu chung, lương tối thiểu vùng của Nhà nước theo từng thời điểm.

Chế độ nâng lương cho CBCNV được thực hiện thường xuyên, kịp thời, đúng quy định của Nhà nước và Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty. Khi lương tối thiểu theo quy định của nhà nước tăng thì lương của người lao động cũng được tăng theo. Người lao động làm việc ở vị trí nào thì được hưởng lương công việc theo vị trí đó. Đến hạn nâng lương thì người lao động sẽ được trình xét nâng lương theo đúng niên hạn.

Người lao động làm việc được hưởng lương theo thời gian đối với các công việc không khoán được sản phẩm (khối hành chính, kế toán...), hưởng lương theo sản phẩm đối với các công việc khoán theo sản phẩm, chất lượng và hiệu quả công việc.

Người lao động làm thêm ngoài giờ được chi trả tiền làm thêm ngoài giờ theo quy định của Nhà nước.

Vào các dịp lễ, tết Công ty đều có chính sách thưởng cho người lao động, mức thưởng tùy thuộc vào hiệu quả công việc và kết quả kinh doanh. Tổng kết cuối năm căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh và mức độ hoàn thành công việc, người lao động được bình xét thi đua khen thưởng.

Các trường hợp nghỉ theo chế độ bảo hiểm xã hội (ốm đau thai sản, nghỉ dưỡng sức...) Công ty đều thanh toán 100% lương cơ bản cho người lao động. Lao động nữ sau khi sinh được Công ty trợ cấp theo quy định của pháp luật.

10.2. Chính sách đối với người lao động

❖ **Các hoạt động đoàn thể xã hội**

Công ty luôn chú trọng các hoạt động đoàn thể để nâng cao tinh thần đoàn kết cho CBCNV của Công ty. Vào các ngày lễ như: 8/3, 1/6, 20/10, ... Công ty đều có những hoạt động kỷ niệm để chào mừng. Các ban, ngành, đoàn thể tại Công ty luôn được lãnh đạo tạo điều kiện thuận lợi để hoạt động tốt. Các hoạt động đoàn thể của Công ty ngày một ổn định, sinh động góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho CBCNV. Công ty thường xuyên phối hợp với công đoàn cơ sở, công đoàn bộ phận hỗ trợ giúp đỡ về vật chất, tinh thần cho người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn, cơ nhỡ, bệnh tật.

❖ **Chính sách đào tạo**

Công ty luôn xác định nhân tố con người là một trong những yếu tố quan trọng góp phần thúc đẩy sự nghiệp phát triển của Công ty. Do đó, Công ty luôn chú trọng bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ CBCNV, đặc biệt chú trọng đào tạo, huấn luyện bồi dưỡng kiến thức về các tiêu chuẩn chất lượng HACCP... kỹ năng mềm cho cán bộ quản lý, nâng cao tay nghề chuyên môn, đào tạo công nhân viên giỏi; tăng cường các công tác đào tạo nội bộ, tích lũy kinh nghiệm cho CBCNV.

11. Chính sách cổ tức

AGIFISH tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh hàng năm có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả. Đại hội cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của năm tới.

Trong dài hạn, AGIFISH tiếp tục thực hiện chính sách cổ tức theo định hướng ổn định lâu dài và ưu tiên đầu tư phát triển, mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty.

12. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và các chỉ tiêu tài chính

12.1. Một số chỉ tiêu về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2023 – 2025 và 9T/2026

Bảng 5: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2023 – 2025 và 9T/2026

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2023	2024	2025	% Tăng giảm 2024/2023	% Tăng giảm 2025/2024	9T/2026
Tổng tài sản	288,36	282,14	255,29	-2,16%	-9,52%	250,59

Chỉ tiêu	2023	2024	2025	% Tăng giảm 2024/2023	% Tăng giảm 2025/2024	9T/2026
Doanh thu thuần	451,90	506,86	522,03	12,16%	2,99%	391,10
LN từ HDSXKD	-3,43	-0,71	-3,23	-	-	-17,90
Lợi nhuận khác	-2,59	-2,78	0,72	-	-	-14,46
Lợi nhuận trước thuế	-6,02	-3,49	-2,51	-	-	-32,36
Lợi nhuận sau thuế	-6,02	-3,49	-2,51	-	-	-32,36
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-	-	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023, 2024, 2025 và BCTC quý 3 năm 2026 của AGIFISH)

12.2. Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận

Bảng 6: Cơ cấu doanh thu của Công ty giai đoạn 2023 –2025 và 9T/2026

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2023		2024		2025		9T/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu bán hàng đông lạnh nội địa	110,14	24,33%	0,22	0,04%	0,22	0,04%	12,35	3,15%
Doanh thu bán hàng đông lạnh xuất khẩu	18,09	4,00%	16,71	3,29%	22,24	4,25%	21,21	5,41%
Doanh thu bán hàng chế biến nội địa	46,77	10,33%	68,96	13,57%	44,33	8,47%	23,67	6,04%
Doanh thu bán hàng chế biến xuất khẩu	14,95	3,30%	13,05	2,57%	29,36	5,61%	20,29	5,18%
Doanh thu bán hàng hóa	0,40	0,09%	0,24	0,05%	0,65	0,12%	0,15	0,04%
Doanh thu bán cá nuôi, cá giống	6,97	1,54%	19,40	3,82%	7,04	1,34%	11,22	2,86%
Doanh thu gia công	218,24	48,21%	249,96	49,17%	235,99	45,10%	119,73	30,55%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	36,92	8,15%	32,12	6,32%	32,25	6,16%	30,02	7,66%
Doanh thu bán phụ phẩm, phế liệu	0,22	0,05%	107,69	21,18%	151,22	28,9%	153,20	39,10%

Chỉ tiêu	2023		2024		2025		9T/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tổng doanh thu	**452,71**	**100%**	**508,35**	**100%**	**523,29**	**100%**	**391,84**	**100,00%**

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023, 2024, 2025 và BCTC quý 3 năm 2026 của AGIFISH)

Bảng 7: Cơ cấu lợi nhuận của Công ty giai đoạn 2023 – 2025 và 9T/2026

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2023		2024		2025		9T/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Lợi nhuận bán hàng đông lạnh nội địa	-1,39	-2,64%	-0,08	-0,15%	0,00	0,00%	1,12	5,51%
Lợi nhuận bán hàng đông lạnh xuất khẩu	4,45	8,47%	1,85	3,41%	1,86	4,07%	1,99	9,80%
Lợi nhuận bán hàng chế biến nội địa	4,65	8,85%	11,10	20,48%	5,85	12,80%	2,21	10,91%
Lợi nhuận bán hàng chế biến xuất khẩu	2,14	4,07%	2,47	4,56%	4,34	9,50%	2,95	14,57%
Lợi nhuận bán hàng hóa	0,10	0,20%	0,09	0,18%	0,13	0,29%	0,03	0,15%
Lợi nhuận bán cá nuôi, cá giống	-1,23	-2,35%	-1,01	-1,87%	0,86	1,89%	0,13	0,66%
Lợi nhuận gia công	28,71	54,61%	34,03	62,81%	31,23	68,32%	5,19	25,61%
Lợi nhuận cung cấp dịch vụ	15,13	28,78%	5,52	10,19%	1,13	2,47%	6,00	29,60%
Lợi nhuận bán phụ phẩm, phế liệu	0,00	0,00%	0,22	0,41%	0,30	0,65%	0,65	3,19%
Tổng lợi nhuận (*)	**52,56**	**100%**	**54,18**	**100%**	**45,71**	**100%**	**20,26**	**100%**

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023, 2024, 2025 và BCTC quý 3 năm 2026 của AGIFISH)

(*) Ghi chú: Lợi nhuận theo mảng được xác định bằng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ từng mảng (chưa trừ các khoản giảm trừ doanh thu) trừ giá vốn trực tiếp của từng mảng (chưa bao gồm dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho và thuế GTGT không được khấu trừ ghi nhận vào giá vốn).

12.3. Cơ cấu chi phí

Bảng 8: Cơ cấu chi phí của Công ty giai đoạn 2023 – 2025 và 9T/2026

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2023	2024	2025	9T/2026
Giá vốn hàng bán	399,12	454,95	477,63	371,61
Chi phí bán hàng	3,98	3,21	4,07	3,25
Chi phí quản lý doanh nghiệp	10,14	12,61	12,17	9,16
Chi phí tài chính	42,47	37,04	31,76	25,10
Chi phí khác	6,20	3,05	0,70	14,75
Tổng chi phí	**461,91**	**510,86**	**526,33**	**423,86**

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023, 2024, 2025 và BCTC quý 3 năm 2026 của AGIFISH)

12.4. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng 9: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2023 – 2025 và 9T/2026

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2023	2024	2025	9T/2026
Doanh thu thuần	451,90	506,86	522,03	391,10
Giá vốn hàng bán	399,12	454,95	477,63	371,61
Lợi nhuận gộp	52,78	51,91	44,39	19,49
Doanh thu tài chính	0,37	0,25	0,39	0,11
Chi phí tài chính	42,47	37,04	31,76	25,10
Chi phí bán hàng	3,98	3,21	4,07	3,25
Chi phí QLDN	10,14	12,61	12,17	9,16
Thu nhập khác	3,61	0,27	1,41	0,29
Chi phí khác	6,20	3,05	0,70	14,75
Lợi nhuận trước thuế	-6,02	-3,49	-2,51	-32,36
Thuế TNDN	0,00	0,00	0,00	0,00
Thuế TNDN hoãn lại	0,00	0,00	0,00	0,00
Lợi nhuận sau thuế	-6,02	-3,49	-2,51	-32,36

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023, 2024, 2025 và BCTC quý 3 năm 2026 của AGIFISH)

12.5. Cơ cấu tài sản và nguồn vốn

Bảng 10: Tài sản của Công ty giai đoạn 2023 –2025 và 9T/2026

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025	30/9/2026
Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	**101,76**	**157,72**	**140,03**	**139,04**
Tiền mặt và tương đương tiền mặt	**10,79**	**13,43**	**13,37**	**3,44**
Phải thu của khách hàng	57,46	118,88	91,86	113,12
Hàng tồn kho	23,53	17,04	25,88	14,15
Tài sản ngắn hạn khác	9,99	8,36	8,92	8,34
Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	**186,60**	**124,43**	**115,26**	**111,55**
Tài sản hữu hình	77,13	50,86	46,73	45,69
Tài sản vô hình	63,83	27,49	26,99	38,76
Chi phí XDCB dở dang	25,12	24,51	23,56	11,17
Đầu tư dài hạn	0,21	0,21	0,21	0,21
Dự phòng đầu tư dài hạn	-0,21	-0,21	-0,21	-0,21
Tài sản dài hạn khác	20,53	21,57	17,97	15,92
TỔNG TÀI SẢN	**288,36**	**282,14**	**255,29**	**250,59**
Tỷ trọng Tài sản ngắn hạn/Tổng Tài sản	35,29%	55,90%	54,85%	55,49%
Tỷ trọng Tài sản dài hạn/Tổng Tài sản	64,71%	44,10%	45,15%	44,51%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023, 2024, 2025 và BCTC quý 3 năm 2026 của AGIFISH)

Bảng 11: Nguồn vốn của Công ty giai đoạn 2023 –2025 và 9T/2026

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025	30/9/2026
NỢ PHẢI TRẢ	**467,06**	**464,33**	**439,98**	**467,65**
Nợ ngắn hạn	**463,66**	**457,49**	**434,05**	**463,48**
Vay và nợ ngắn hạn	401,12	388,77	353,33	333,57
Phải trả cho người bán	8,64	19,85	30,79	73,76
Người mua trả tiền trước	2,49	2,73	2,64	2,98
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	0,94	1,17	1,03	4,23

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025	30/9/2026
Phải trả người lao động	16,99	12,19	13,60	8,33
Chi phí phải trả	0,97	0,76	0,89	0,72
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	0,70	0,91	0,68	2,18
Các khoản phải trả phải nộp khác	31,82	31,12	31,09	37,72
Quỹ khen thưởng phúc lợi	0,00	0,00	0,00	0,00
Nợ dài hạn	**3,40**	**6,83**	**5,93**	**4,16**
Dự phòng phải trả dài hạn	3,40	3,35	3,30	3,00
Doanh thu chưa thực hiện	0,00	3,48	2,64	1,16
Vốn chủ sở hữu	**-178,69**	**-182,18**	**-184,69**	**-217,06**
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	281,10	281,10	281,10	281,10
Thặng dư vốn cổ phần	411,29	411,29	411,29	411,29
Lợi nhuận chưa phân phối	-872,59	-876,08	-878,59	-910,95
Nguồn vốn ĐTXDCB	1,51	1,51	1,51	1,51

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023, 2024, 2025 và BCTC quý 3 năm 2026 của AGIFISH)

12.6. Chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 12: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

Các chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,22	0,34	0,32
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,17	0,31	0,26
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	1,62	1,65	1,72
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	(2,61)	(2,55)	(2,38)
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	-1,33%	-0,69%	-0,48%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	-	-	-

Các chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	-1,93%	-1,22%	-0,93%
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-0,76%	-0,14%	-0,62%
Lợi nhuận sau thuế trên vốn cổ phần	%	-2,14%	-1,24%	-0,89%
Tỷ lệ chia cổ tức trên mệnh giá cổ phần (*)	%	-	-	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023, 2024, 2025 của AGIFISH)

(*) Năm 2023, 2024 và năm 2025, CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang không chia cổ tức theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, 2025 và 2026 của Công ty.

13. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng và chế độ kế toán áp dụng

Năm tài chính của CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính kèm được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

14. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại Báo cáo tài chính

❖ **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại BCTC kiểm toán năm 2024 của Công ty như sau:**

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

(i) Tại thời điểm 31/12/2024, khoản lỗ lũy kế của Công ty là 876.075.930.001 VND, nợ ngắn hạn hiện đang vượt quá tài sản ngắn hạn 299.772.872.009 VND, vốn chủ sở hữu âm 182.181.249.534 VND, kết quả kinh doanh trong năm lỗ 3.489.709.598 VND, một số khoản nợ đã quá hạn nhưng chưa có khả năng thanh toán. Công ty phải chuyển giao các tài sản cố định tại kho lạnh Mỹ Thới cho quản tài viên của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Delta AGF. Bên cạnh đó việc đi vay của Công ty gặp khó khăn khi Ngân hàng siết chặt giải ngân, điều này làm hoạt động xuất khẩu của Công ty bị thu hẹp do sức

ép về tài chính, thiếu nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất, diện tích ao nuôi tại các vùng nuôi theo đó cũng bị thu hẹp tương ứng. Những sự kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn chưa đủ cơ sở để đánh giá Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp hay không.

(ii) Trong năm 2023, Công ty đã thực hiện xóa các khoản nợ phải thu khách hàng và nợ phải thu khác theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 01/NQĐHĐCĐ/2023 ngày 23/06/2023, với tổng số nợ gốc được xóa là 545.593.871.438 VND. Trong đó, bao gồm các khoản nợ gốc của Công ty Cổ phần Nông thủy sản Việt Phú và Công ty TNHH MTV Thủy sản Hưng Thành. Các khoản nợ này đã được dự phòng toàn bộ trong các năm tài chính trước và đã được chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ trong Báo cáo kiểm toán độc lập về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022 và các năm tiếp theo, do chưa đảm bảo cơ sở dẫn liệu về tính hiện hữu và tính đầy đủ *(Xem chi tiết tại Thuyết minh số 21d tại bản Thuyết minh Báo cáo tài chính đính kèm)*. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết trong các năm trước cũng như trong năm nay nhưng vẫn không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá tính hiện hữu và đầy đủ của các khoản công nợ và dự phòng công nợ phải thu khó đòi đã được xóa nợ này, cũng như ảnh hưởng kéo dài của vấn đề này đến các chỉ tiêu tài chính liên quan trên Báo cáo tài chính của Công ty trong năm phát sinh cũng như các năm tài chính tiếp theo sau khi xóa nợ.

(iii) Theo kết luận tại Bản án phúc thẩm số 04/2024/KDTM-PT ngày 25/06/2024 của Tòa án nhân dân Tỉnh An Giang, liên quan đến vụ tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Delta AGF (đã bị tuyên bố phá sản), Tòa án đã tuyên bố vô hiệu hợp đồng mua bán bất động sản ngày 14/05/2010 và phụ kiện hợp đồng số 01 ngày 10/06/2010. Thực hiện theo phán quyết của Tòa án, vào ngày 27/07/2024, Công ty đã bàn giao toàn bộ tài sản cố định hình hữu hình và vô hình tại kho lạnh Mỹ Thới cho quản tài viên của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Delta AGF. Theo kết luận của Bản án, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Delta AGF có nghĩa vụ phải bồi thường và hoàn trả cho Công ty tổng số tiền 303.995.849.999 VND. Tuy nhiên, để đảm bảo tính thận trọng trong Báo cáo tài chính, Công ty chỉ ghi nhận khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Delta AGF theo giá trị còn lại của các tài sản đã bàn giao với số tiền 54.771.764.748 VND *(Xem chi tiết tại Thuyết minh số 04, 09, 10, 35b tại bản Thuyết minh Báo cáo tài chính đính kèm)*.

Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp về tính hiện hữu và đầy đủ đối với khoản công nợ này cũng như xác định ảnh hưởng của vấn đề này đến các chỉ tiêu tài chính có liên quan trên Báo cáo tài chính của Công ty.

(iv) Theo kết luận Bản án sơ thẩm số 20/2020/HS-ST ngày 28/08/2020 của Tòa án nhân dân Tỉnh Lai Châu và Bản án phúc thẩm số 217/2022/HS-PT ngày 13/04/2022 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang có trách nhiệm hoàn trả 29.299.428.680 VND cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển

Nông thôn Việt Nam do Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang đã nhận thanh toán tiền hàng từ tiền mà Công ty TNHH Quang Chiến chiếm đoạt được từ Ngân hàng. Công ty đã trích trước khoản tiền này vào kết quả kinh doanh năm 2021 và chưa ghi nhận các khoản lãi chậm nộp tương ứng với khoản phải trả này vào số liệu Báo cáo tài chính các năm sau. *(Xem chi tiết tại Thuyết minh số 35a tại bản Thuyết minh Báo cáo tài chính đính kèm).* Ngoài ra chưa đánh giá quyền/nghĩa vụ của Công ty phát sinh liên quan đến Hợp đồng mua bán số 01/2015AGF-QC-TDMIR ngày 23/12/2015 và các phụ lục kèm theo với Công ty TNHH Quang Chiến, Công ty TDMIR (Công ty được thành lập và hoạt động tại Nga) và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Sìn Hồ. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp về tính hiện hữu và đầy đủ đối với khoản công nợ gốc và nợ lãi chậm nộp, quyền đòi nợ của Công ty cũng như xác định ảnh hưởng của vấn đề này đến các thông tin có liên quan trên Báo cáo tài chính của Công ty.

(v) Tại thời điểm 31/12/2024, thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất liên quan đến dự án vùng nuôi Nhơn Hòa hiện chưa được hoàn tất do diện tích 72.362,4 m² đất nuôi trồng thủy sản chưa nhận được kết luận của Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh An Giang *(Xem chi tiết tại Thuyết minh số 08 tại bản Thuyết minh Báo cáo tài chính đính kèm).* Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp về quyền và nghĩa vụ của Công ty đối với dự án này cũng như xác định ảnh hưởng của vấn đề này đến các thông tin có liên quan trên Báo cáo tài chính của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo về các yêu cầu khác của pháp luật và các quy định

Từ Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 20/07/2012 và quy định hiện nay tiếp tục hướng dẫn tại khoản 2, điều 293, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định về "Giao dịch với Cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này", Công ty đại chúng không được cung cấp khoản bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức. Tuy nhiên, Công ty hiện đang sử dụng tài sản của mình để bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty Cổ phần Hùng Vương (Công ty mẹ) tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh *(Xem chi tiết tại Thuyết minh số 09, 10 và 35c tại bản Thuyết minh Báo cáo tài chính đính kèm).*

❖ **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại BCTC kiểm toán năm 2025 của Công ty như sau:**

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán số 250325.003/BCTC.HCM ngày 25/03/2025 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang, Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến các vấn đề về khả năng hoạt động liên tục của Công ty, về việc xóa các khoản nợ phải thu Công ty Cổ phần Nông thủy sản Việt Phú và Công ty TNHH MTV Thủy sản Hưng Thành, về việc thanh lý tài sản cố định tại kho lạnh Mỹ Thới, về việc thu hồi công nợ của Công ty TNHH Quang Chiến và thanh toán khoản nợ với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Sìn Hồ, về thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất liên quan đến dự án vùng nuôi Nhơn Hòa. Những vấn đề này chưa được khắc phục dẫn đến việc chúng tôi tiếp tục đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, cụ thể như sau:

(i) Tại thời điểm 31/12/2025, khoản lỗ lũy kế của Công ty là 878.587.770.191 VND, nợ ngắn hạn hiện đang vượt quá tài sản ngắn hạn 294.020.228.526 VND, vốn chủ sở hữu âm 184.693.089.724 VND, kết quả kinh doanh trong năm lỗ 2.511.840.190 VND, một số khoản nợ đã quá hạn nhưng chưa có khả năng thanh toán. Bên cạnh đó, theo kết luận của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, liên quan đến vụ tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Delta AGF, Công ty phải chuyển giao các tài sản cố định tại kho lạnh Mỹ Thới cho quản tài viên để thực hiện thanh lý nhưng tính đến thời điểm hiện tại tài sản vẫn chưa được thanh lý và Công ty phải thuê lại tài sản để tiếp tục hoạt động. Ngoài ra, việc đi vay của Công ty gặp khó khăn khi Ngân hàng siết chặt giải ngân, điều này làm hoạt động xuất khẩu của Công ty bị thu hẹp do sức ép về tài chính, thiếu nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất, diện tích ao nuôi tại các vùng nuôi theo đó cũng bị thu hẹp tương ứng. Những sự kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn chưa đủ cơ sở để đánh giá Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp hay không.

(ii) Trong năm 2023, Công ty đã thực hiện xóa các khoản nợ phải thu khách hàng và nợ phải thu khác theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 01/NQĐHĐCĐ/2023 ngày 23/06/2023, với tổng số nợ gốc được xóa là 545.593.871.438 VND. Trong đó bao gồm các khoản nợ gốc của Công ty Cổ phần Nông thủy sản Việt Phú và Công ty TNHH MTV Thủy sản Hưng Thành với tổng giá trị là 330.305.570.185 VND. Các khoản nợ này đã được dự phòng toàn bộ trong các năm tài chính trước và đã được chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ trong Báo cáo kiểm toán độc lập về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và các năm 2023, 2024, do chưa đảm bảo cơ sở dẫn liệu về tính hiện hữu và tính đầy đủ (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 22d tại bản Thuyết minh Báo cáo tài chính đính kèm).

Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết trong các năm trước cũng như trong năm nay nhưng vẫn không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá tính hiện hữu và đầy đủ của các khoản công nợ và dự phòng công nợ phải thu khó đòi đã được xóa nợ này, cũng như ảnh hưởng kéo dài của vấn đề này đến các chỉ tiêu tài chính liên quan trên Báo cáo tài chính của Công ty trong năm phát sinh cũng như các năm tài chính tiếp theo sau khi xóa nợ.

(iii) Theo kết luận tại Bản án phúc thẩm số 04/2024/KDTM-PT ngày 25/06/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, liên quan đến vụ tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Delta AGF (đã bị tuyên bố phá sản), Tòa án đã tuyên bố vô hiệu hợp đồng mua bán bất động sản ngày 14/05/2010 và phụ kiện hợp đồng số 01 ngày 10/06/2010. Thực hiện theo phán quyết của Tòa án, vào ngày 27/07/2024, Công ty đã bàn giao toàn bộ tài sản cố định hữu hình và vô hình tại kho lạnh Mỹ Thới cho quản tài viên của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Delta AGF. Theo kết luận của Bản án, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Delta AGF có nghĩa vụ phải bồi thường và hoàn trả cho Công ty tổng số tiền 303.995.849.999 VND. Tuy nhiên, để đảm bảo tính thận trọng trong Báo cáo tài chính, Công ty chỉ ghi nhận khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Delta AGF theo giá trị còn lại của các tài sản đã bàn giao với số tiền 54.771.764.748 VND (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 04, 10, 11, 36b tại bản Thuyết minh Báo cáo tài chính đính kèm). Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp về tính hiện hữu và đầy đủ đối với khoản công nợ này cũng như xác định ảnh hưởng của vấn đề này đến các chỉ tiêu tài chính có liên quan trên Báo cáo tài chính của Công ty.

(iv) Theo kết luận Bản án sơ thẩm số 20/2020/HS-ST ngày 28/08/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu và Bản án phúc thẩm số 217/2022/HS-PT ngày 13/04/2022 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang có trách nhiệm hoàn trả 29.299.428.680 VND cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam do Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang đã nhận thanh toán tiền hàng từ tiền mà Công ty TNHH Quang Chiến chiếm đoạt được từ Ngân hàng. Công ty đã trích trước khoản tiền này vào kết quả kinh doanh năm 2021 nhưng chưa ghi nhận các khoản lãi chậm nộp tương ứng với khoản phải trả này vào số liệu Báo cáo tài chính các năm sau. (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 36a tại bản Thuyết minh Báo cáo tài chính đính kèm). Ngoài ra Công ty chưa đánh giá quyền/ nghĩa vụ phát sinh liên quan đến Hợp đồng mua bán số 01/2015AGF-QC-TDMIR ngày 23/12/2015 và các phụ lục kèm theo với Công ty TNHH Quang Chiến, Công ty TDMIR (Công ty được thành lập và hoạt động tại Nga) và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Sìn Hồ. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp về tính hiện hữu và đầy đủ đối với khoản công nợ gốc và nợ lãi chậm nộp, quyền đòi nợ của Công ty cũng như xác định ảnh hưởng của vấn đề này đến các thông tin có liên quan trên Báo cáo tài chính của Công ty.

(v) Tại thời điểm lập Bản công bố thông tin này, Công ty chưa cung cấp thông tin cập nhật về tình trạng thi hành các bản án nêu trên (việc hoàn trả 29.299.428.680 VND cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam; việc thu hồi các khoản phải thu từ CTCP Đầu tư xây dựng Delta AGF và việc giao trả đất, nhà xưởng theo Bản án phúc thẩm số 04/2024/KDTM-PT). Nhà đầu tư cần tự tìm hiểu, đánh giá trước khi tham gia đấu giá.

(vi) Tại thời điểm 31/12/2025, thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất liên quan đến dự án vùng nuôi Nhơn Hòa hiện chưa được hoàn tất do diện tích 72.362,4 m² đất nuôi trồng

thủy sản chưa nhận được kết luận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 09 tại bản Thuyết minh Báo cáo tài chính đính kèm). Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi chưa thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp về quyền và nghĩa vụ của Công ty đối với dự án này cũng như xác định ảnh hưởng của vấn đề này đến các thông tin có liên quan trên Báo cáo tài chính của Công ty.

Kết luận ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo về các yêu cầu khác của pháp luật và các quy định

Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 20/07/2012 và quy định hiện nay tiếp tục hướng dẫn tại khoản 2, điều 293, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định về "Giao dịch với Cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này", Công ty đại chúng không được cung cấp khoản bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức. Tuy nhiên, Công ty hiện đang sử dụng tài sản của mình để bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty Cổ phần Hùng Vương (Công ty mẹ) tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh *(Xem chi tiết tại thuyết minh số 10, 11 và 36c tại bản Thuyết minh Báo cáo tài chính đính kèm)*.

❖ **Kết luận ngoại trừ tại Báo cáo soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 của Công ty như sau:**

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán số 270326.001/BCTC.HCM ngày 27/03/2026 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang, Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến các vấn đề về khả năng hoạt động liên tục của Công ty, về việc xóa các khoản nợ phải thu Công ty Cổ phần Nông thủy sản Việt Phú và Công ty TNHH MTV Thủy sản Hưng Thành, về việc thanh lý tài sản cố định tại kho lạnh Mỹ Thới, về việc thu hồi công nợ của Công ty TNHH Quang Chiến và thanh toán khoản nợ với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Sìn Hồ, về thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất liên quan đến dự án vùng nuôi Nhơn Hòa. Những vấn đề này chưa được khắc phục dẫn đến việc chúng tôi tiếp tục đưa ra kết luận ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026, cụ thể như sau:

(i) Tại thời điểm 30/06/2026, khoản lỗ lũy kế của Công ty là 897.289.969.642 VND, nợ ngắn hạn hiện đang vượt quá tài sản ngắn hạn là 313.518.405.977 VND, vốn chủ sở hữu âm 203.395.289.175 VND, kết quả kinh doanh trong kỳ lỗ 18.702.199.451 VND, một số khoản nợ đã quá hạn nhưng chưa có khả năng thanh toán. Bên cạnh đó, theo kết luận của Tòa án nhân dân Tỉnh An Giang, liên quan đến vụ tranh chấp hợp đồng chuyển

nhượng quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Delta AGF, Công ty phải chuyển giao các tài sản cố định tại kho lạnh Mỹ Thới cho quản tài viên để thực hiện thanh lý nhưng tính đến thời điểm hiện tại tài sản vẫn chưa được thanh lý và Công ty phải thuê lại tài sản để tiếp tục hoạt động. Ngoài ra, việc đi vay của Công ty gặp khó khăn khi Ngân hàng siết chặt giải ngân, điều này làm hoạt động xuất khẩu của Công ty bị thu hẹp do sức ép về tài chính, thiếu nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất, diện tích ao nuôi tại các vùng nuôi theo đó cũng bị thu hẹp. Những sự kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Bằng các thủ tục soát xét đã thực hiện, chúng tôi chưa đủ cơ sở đưa ra kết luận về việc Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

(ii) Trong năm 2023, Công ty đã thực hiện xóa các khoản nợ phải thu khách hàng và nợ phải thu khác theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 01/NQĐHĐCĐ/2023 ngày 23/06/2023, với tổng số nợ gốc được xóa là 545.593.871.438 VND. Trong đó, bao gồm các khoản nợ gốc của Công ty Cổ phần Nông thủy sản Việt Phú và Công ty TNHH MTV Thủy sản Hưng Thành với tổng giá trị là 330.305.570.185 VND. Các khoản nợ này đã được dự phòng toàn bộ trong các năm tài chính trước và đã được chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ trong Báo cáo kiểm toán độc lập về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022 và các năm 2023, 2024, 2025 do chưa đảm bảo cơ sở dẫn liệu về tính hiện hữu và tính đầy đủ (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 22d tại bản Thuyết minh Báo cáo tài chính đính kèm).

Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục soát xét nhưng vẫn chưa thể đánh giá tính hiện hữu và đầy đủ của các khoản công nợ và dự phòng công nợ phải thu khó đòi đã được xóa nợ này, cũng như ảnh hưởng kéo dài của vấn đề này đến các chỉ tiêu tài chính liên quan trên Báo cáo tài chính của Công ty trong kỳ phát sinh cũng như các kỳ tiếp theo sau khi xóa nợ.

(iii)Theo kết luận tại Bản án phúc thẩm số 04/2024/KDTM-PT ngày 25/06/2024 của Tòa án nhân dân Tỉnh An Giang, liên quan đến vụ tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Delta AGF (đã bị tuyên bố phá sản), Tòa án đã tuyên bố vô hiệu hợp đồng mua bán bất động sản ngày 14/05/2010 và phụ kiện hợp đồng số 01 ngày 10/06/2010. Thực hiện theo phán quyết của Tòa án, vào ngày 27/07/2024, Công ty đã bàn giao toàn bộ tài sản cố định hữu hình và vô hình tại kho lạnh Mỹ Thới cho quản tài viên của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Delta AGF. Theo kết luận của Bản án, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Delta AGF có nghĩa vụ phải bồi thường và hoàn trả cho Công ty tổng số tiền 303.995.849.999 VND. Tuy nhiên, để đảm bảo tính thận trọng trong Báo cáo tài chính, Công ty chỉ ghi nhận khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Delta AGF theo giá trị còn lại của các tài sản đã bàn giao với số tiền 54.771.764.748 VND (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 04, 10, 11, 37b tại bản Thuyết minh Báo cáo tài chính đính kèm). Bằng các thủ tục soát xét đã thực hiện, chúng tôi chưa thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp về tính

hiện hữu và đầy đủ đối với khoản cộng nợ này cũng như xác định ảnh hưởng của vấn đề này đến các chỉ tiêu tài chính có liên quan trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

(iv) Theo kết luận Bản án sơ thẩm số 20/2020/HS-ST ngày 28/08/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu và Bản án phúc thẩm số 217/2022/HS-PT ngày 13/04/2022 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang có trách nhiệm hoàn trả 29.299.428.680 VND cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam do Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang đã nhận thanh toán tiền hàng từ tiền mà Công ty TNHH Quang Chiến chiếm đoạt được từ Ngân hàng. Công ty đã trích trước khoản tiền này vào kết quả kinh doanh năm 2021 nhưng chưa ghi nhận các khoản lãi chậm nộp tương ứng với khoản phải trả này vào số liệu Báo cáo tài chính các năm sau (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 37a tại bản Thuyết minh Báo cáo tài chính đính kèm). Ngoài ra Công ty chưa đánh giá quyền/nghĩa vụ phát sinh liên quan đến Hợp đồng mua bán số 01/2015AGF-QC-TDMIR ngày 23/12/2015 và các phụ lục kèm theo với Công ty TNHH Quang Chiến, Công ty TDMIR (Công ty được thành lập và hoạt động tại Nga) và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Sìn Hồ. Bằng các thủ tục soát xét đã thực hiện, chúng tôi chưa thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp về tính hiện hữu và đầy đủ đối với khoản công nợ gốc và nợ lãi chậm nộp, quyền đòi nợ của Công ty cũng như xác định ảnh hưởng của vấn đề này đến các thông tin có liên quan trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

(v) Tại thời điểm 30/06/2026, thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất liên quan đến dự án vùng nuôi Nhơn Hòa hiện chưa được hoàn tất do diện tích 72.362,4 m² đất nuôi trồng thủy sản chưa nhận được kết luận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 12 tại bản Thuyết minh Báo cáo tài chính đính kèm). Bằng các thủ tục soát xét đã thực hiện, chúng tôi chưa thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp về quyền và nghĩa vụ của Công ty đối với dự án này cũng như xác định ảnh hưởng của vấn đề này đến các thông tin có liên quan trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính, của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang tại 30/06/2026, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo về các yêu cầu khác của pháp luật và các quy định

Từ Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 20/07/2012 và quy định hiện nay tiếp tục hướng dẫn tại khoản 2, điều 293, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định về "Giao dịch với Cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này",

Công ty đại chúng không được cung cấp khoản bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức. Tuy nhiên, Công ty hiện đang sử dụng tài sản của mình để bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty Cổ phần Hùng Vương (Công ty mẹ) tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (Xem chi tiết tại thuyết minh số 11, 12 và 37c tại bản Thuyết minh Báo cáo tài chính đính kèm).

Lưu ý: Theo Báo cáo tài chính quý 3 năm 2026 của AGF (chưa được soát xét), tại ngày 30/9/2026: lỗ lũy kế 910,95 tỷ đồng; nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 324,44 tỷ đồng; vốn chủ sở hữu âm 217,06 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế 9 tháng đầu năm 2026 lỗ 32,36 tỷ đồng.

15. Trích khấu hao Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định,

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản cố định khấu hao như sau:

Loại TSCĐ	Thời gian sử dụng
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	05 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
Các tài sản khác	03 - 05 năm
Quyền sử dụng đất	48 năm

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2025 của AGIFISH)

16. Các khoản phải nộp theo quy định

Bảng 13: Các khoản phải nộp theo quy định

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2023	2024	2025	30/9/2026
Thuế GTGT	0,84	0,82	0,33	2,81
Thuế thu nhập cá nhân	0,10	0,34	0,69	0,78
Thuế tài nguyên	0,01	0,01	0,01	0,01
Tiền thuê đất	0,00	0,00	0,00	0,63
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	0,00	0,00	0,00	0,00
Tổng cộng	**0,94**	**1,17**	**1,03**	**4,23**

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023, 2024, 2025 và BCTC quý 3 năm 2026 của AGIFISH)

17. Trích lập các quỹ theo luật định

Bảng 14: Trích lập các quỹ theo quy định

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	2023	2024	2025	30/9/2026
1	Quỹ đầu tư phát triển	0,00	0,00	0,00	0,00
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	0,00	0,00	0,00	0,00
	Tổng	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023, 2024, 2025 và BCTC quý 3 năm 2026 của AGIFISH)

18. Tình hình công nợ

18.1. Các khoản phải thu

Bảng 15: Các khoản phải thu của Công ty

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025	30/9/2026
Các khoản phải thu ngắn hạn	**57,46**	**118,88**	**91,86**	**113,12**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	58,52	118,42	94,59	113,63
Trả trước cho người bán ngắn hạn	0,26	0,29	2,11	1,38
Phải thu ngắn hạn khác	3,72	5,25	0,35	3,34
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	-5,05	-5,07	-5,19	-5,23
Các khoản phải thu dài hạn	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,19**
Phải thu về cho vay dài hạn	0,00	0,00	0,00	0,00
Phải thu dài hạn khác	0,00	0,00	0,00	0,19
Tổng	**57,46**	**118,88**	**91,86**	**113,31**

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023, 2024, 2025 và BCTC quý 3 năm 2026 của AGIFISH)

18.2. Các khoản phải trả

Bảng 16: Các khoản phải trả của Công ty

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025	30/9/2026
Nợ ngắn hạn	**463,66**	**457,49**	**434,05**	**463,48**
Phải trả người bán ngắn hạn	8,64	19,85	30,79	73,76

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025	30/9/2026
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2,49	2,73	2,64	2,98
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	0,94	1,17	1,03	4,23
Phải trả người lao động	16,99	12,19	13,60	8,33
Chi phí phải trả ngắn hạn	0,97	0,76	0,89	0,72
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	0,70	0,91	0,68	2,18
Phải trả ngắn hạn khác	31,82	31,12	31,09	37,72
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	401,12	388,77	353,33	333,57
Quỹ khen thưởng phúc lợi	0,00	0,00	0,00	0,00
Nợ dài hạn	**3,40**	**6,83**	**5,93**	**4,16**
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	0,00	3,48	2,64	1,16
Dự phòng phải trả dài hạn	3,40	3,35	3,30	3,00
Tổng	**467,06**	**464,33**	**439,98**	**467,65**

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023, 2024, 2025 và BCTC quý 3 năm 2026 của AGIFISH)

19. Đầu tư tài chính

Bảng 17: Các khoản đầu tư tài chính của Công ty

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025	30/9/2026
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**0,000**	**0,000**	**0,000**	**0,000**
Đầu tư tài chính dài hạn	**0,000**	**0,000**	**0,000**	**0,000**
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	0,213	0,213	0,213	0,213
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-0,213	-0,213	-0,213	-0,213
Tổng cộng	**0,000**	**0,000**	**0,000**	**0,000**

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023, 2024, 2025 và BCTC quý 3 năm 2026 của AGIFISH)

20. Tình hình Tài sản của Công ty

20.1. Tình hình quản lý và sử dụng đất đai, mặt bằng của Công ty

Bảng 18: Tình hình quản lý và sử dụng đất Của Công ty

STT	Địa điểm		Diện tích (m^2)	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Nguồn gốc sử dụng đất	Thời hạn sử dụng đất	Hiện trạng đất
	Thửa đất số	Tờ bản đồ số						
I	Văn phòng Công ty, Xí nghiệp AGF7, Xí nghiệp AGF 360 - phường Bình Đức, tỉnh An Giang							
1	25	57	24.694,30	Quyền sử dụng đất số CE 162228, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT14588 ngày 07/10/2016 do Uỷ ban nhân dân Tỉnh An Giang cấp	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Đến ngày 07/08/2045	Xây dựng khu vực nhà xưởng văn phòng, đã đi vào hoạt động
II	Xí nghiệp AGF9 - phường Bình Đức, tỉnh An Giang							
1	57	56	72,30	Quyền sử dụng đất số AĐ 488358, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T01375CA ngày 02/02/2007 do Uỷ ban nhân dân Tỉnh An Giang cấp	Đất trồng cây lâu năm	Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất	Không có thời hạn	Xây dựng khu vực nhà xưởng văn phòng, đã đi vào hoạt động
2	23	57	1.061,90	Quyền sử dụng đất số AG 406109, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02079OA ngày 13/09/2006 do	Đất ở tại đô thị: 200m^2; Đất trồng cây lâu năm: 861,9m^2	Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất ở: lâu dài Đất trồng cây lâu năm: không có thời hạn	

STT	Địa điểm		Diện tích (m^2)	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Nguồn gốc sử dụng đất	Thời hạn sử dụng đất	Hiện trạng đất
	Thửa đất số	Tờ bản đồ số						
				Uỷ ban nhân dân Tỉnh An Giang cấp				
3	27	57	22.185,30	Quyền sử dụng đất số CE 162260, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT14745 ngày 01/12/2016 do Uỷ ban nhân dân Tỉnh An Giang cấp	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất có diện tích 21.232,7m^2; Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất diện tích 952,6m^2	Lâu dài diện tích 952,6m^2; Đến ngày 08/03/2057: diện tích 6.091,5m^2; Đến ngày13/09/2056: diện tích 2.189,5m^2; Đến ngày 08/09/2056: diện tích 11.393,7m^2; Đến ngày 14/08/2050: diện tích 1.558m^2;	
			4.941,60			Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần diện tích 4.941,6m^2;	Đến ngày 07/08/2045 diện tích 4.941,6m^2;	

STT	Địa điểm		Diện tích (m^2)	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Nguồn gốc sử dụng đất	Thời hạn sử dụng đất	Hiện trạng đất
	Thửa đất số	Tờ bản đồ số						
4	Không xác định	Không xác định	91.885	Hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 19/6/2006 của Ông Lê Hữu Công cho AGIFISH; Bảng đề nghị thanh toán ngày 20/6/2006 của Ông Lê Hữu Công về việc chuyển nhượng đất; Phiếu chi tiền mặt số 251/06C ngày 21/6/2006 của AGIFISH cho Ông Lê Hữu Công.		Nhận chuyển nhượng đất như giao đất có thu tiền sử dụng đất diện tích 91.885 m^2		
5	Không xác định	Không xác định	30.536	Hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 19/6/2006 của Ông Nguyễn Công Hải cho AGIFISH; Bảng đề nghị thanh toán ngày 20/6/2006 của Ông Nguyễn Công Hải về việc chuyển nhượng đất; Phiếu chi tiền mặt số 254/06C ngày 21/6/2006 của AGIFISH cho Ông Nguyễn Công Hải		Nhận chuyển nhượng đất như giao đất có thu tiền sử dụng đất diện tích 30.536 m^2		
6	Không xác định	Không xác định	44.996	Hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 19/6/2006 của Ông Nguyễn Văn Xuân cho AGIFISH;		Nhận chuyển nhượng đất như giao đất có thu tiền sử dụng đất diện tích 44.996 m^2		

STT	Địa điểm		Diện tích (m^2)	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Nguồn gốc sử dụng đất	Thời hạn sử dụng đất	Hiện trạng đất
	Thửa đất số	Tờ bản đồ số						
				Bảng đề nghị thanh toán ngày 20/6/2006 của Ông Nguyễn Văn Xuân về việc chuyển nhượng đất; Phiếu chi tiền mặt số 252/06C ngày 21/6/2006 của AGIFISH cho Ông Nguyễn Văn Xuân				
7	Không xác định	Không xác định	71.792	Hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 19/6/2006 của Ông Mai Thành Sơn cho AGIFISH; Bảng đề nghị thanh toán ngày 20/6/2006 của Ông Mai Thành Sơn về việc chuyển nhượng đất; Phiếu chi tiền mặt số 253/06C ngày 21/6/2006 của AGIFISH cho Ông Mai Thành Sơn		Nhận chuyển nhượng đất như giao đất có thu tiền sử dụng đất diện tích 71.792 m^2		
8	Không xác định	Không xác định	165.834	Hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 19/6/2006 của Ông Lại Văn Để cho AGIFISH; Bảng đề nghị thanh toán ngày 20/6/2006 của Ông Lại Văn Để về việc chuyển nhượng đất;		Nhận chuyển nhượng đất như giao đất có thu tiền sử dụng đất diện tích 165.834 m^2		

STT	Địa điểm		Diện tích (m^2)	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Nguồn gốc sử dụng đất	Thời hạn sử dụng đất	Hiện trạng đất
	Thửa đất số	Tờ bản đồ số						
				Phiếu chi tiền mặt số 260/06C ngày 21/6/2006 của AGIFISH cho Ông Lại Văn Để				
III	Xí nghiệp AGF8, xã An Châu, tỉnh An Giang							
1	61	32	573,80	Quyền sử dụng đất số T00235aG, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00235aG ngày 09/07/2008 do Uỷ ban nhân dân Tỉnh An Giang cấp	Đất trồng cây lâu năm	Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất	Không có thời hạn	Xây dựng khu vực nhà xưởng văn phòng, đã đi vào hoạt động
2	244	33	118,80	Quyền sử dụng đất số T00238aG, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00238aG ngày 09/07/2008 do Uỷ ban nhân dân Tỉnh An Giang cấp	Đất trồng cây lâu năm	Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất	Không có thời hạn	
3	235	33	106,00	Quyền sử dụng đất số T00236aG, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00236aG ngày 09/07/2008 do Uỷ ban nhân dân Tỉnh An Giang cấp	Đất ở tại đô thị	Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất	Lâu dài	
4	236	33	99,50	Quyền sử dụng đất số T00237aG, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00237aG	Đất trồng cây lâu năm	Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất	Không có thời hạn	

STT	Địa điểm		Diện tích (m^2)	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Nguồn gốc sử dụng đất	Thời hạn sử dụng đất	Hiện trạng đất
	Thửa đất số	Tờ bản đồ số						
				ngày 09/07/2008 do Uỷ ban nhân dân Tỉnh An Giang cấp				
5	245	33	77,70	Quyền sử dụng đất số T00239aG, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00239aG ngày 09/07/2008 do Uỷ ban nhân dân Tỉnh An Giang cấp	Đất trồng cây lâu năm	Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất	Không có thời hạn	
6	38	10	1.028,00	Quyền sử dụng đất số 00210QSDĐ/Ca, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00210QSDĐ/Ca ngày 05/08/2002 do Uỷ ban nhân dân Tỉnh An Giang cấp	CD	Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất	Không có thời hạn	
7	3	33	229,20	Quyền sử dụng đất số H00158aĐ, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00158aĐ ngày 27/6/2008 do Uỷ ban nhân dân Tỉnh An Giang cấp	Đất ở tại đô thị	Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất	Không có thời hạn	
8	115	32	750,00	Quyền sử dụng đất số CH07642, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH07642 ngày 07/12/2011 do Uỷ ban nhân dân Tỉnh An Giang cấp	Đất trồng cây lâu năm	Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất	Không có thời hạn	

STT	Địa điểm		Diện tích (m^2)	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Nguồn gốc sử dụng đất	Thời hạn sử dụng đất	Hiện trạng đất
	Thửa đất số	Tờ bản đồ số						
9	2102 (*)	2	1.744,00	Quyền sử dụng đất số 01633QSDĐ/aG, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01633QSDĐ/aG ngày 05/10/2004 do Uỷ ban nhân dân Tỉnh An Giang cấp	Đất trồng lúa nước còn lại	Không xác định	Không có thời hạn	
10	2097 (*)	2	850,00	Quyền sử dụng đất số 00448QSDĐ/aG, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00448QSDĐ/aG ngày 06/08/1999 do Uỷ ban nhân dân Tỉnh An Giang cấp	Đất trồng lúa nước còn lại	Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất	Không có thời hạn	
11	2098 (*)	2	790,00	Quyền sử dụng đất số 00448QSDĐ/aG, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00448QSDĐ/aG ngày 06/08/1999 do Uỷ ban nhân dân Tỉnh An Giang cấp	Đất trồng lúa nước còn lại	Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất	Không có thời hạn	
12	2099 (*)	2	425,00	Quyền sử dụng đất số 00448QSDĐ/aG, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00448QSDĐ/aG ngày	Đất trồng lúa nước còn lại	Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất	Không có thời hạn	

STT	Địa điểm		Diện tích (m^2)	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Nguồn gốc sử dụng đất	Thời hạn sử dụng đất	Hiện trạng đất
	Thửa đất số	Tờ bản đồ số						
				06/08/1999 do Uỷ ban nhân dân Tỉnh An Giang cấp				
13	2100 (*)	2	1.008,00	Quyền sử dụng đất số 00448QSDĐ/aG, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00448QSDĐ/aG ngày 06/08/1999 do Uỷ ban nhân dân Tỉnh An Giang cấp	Đất trồng lúa nước còn lại	Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất	Không có thời hạn	
14	2101 (*)	2	322,00	Quyền sử dụng đất số 00448QSDĐ/aG, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00448QSDĐ/aG ngày 06/08/1999 do Uỷ ban nhân dân Tỉnh An Giang cấp	Đất trồng lúa nước còn lại	Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất	Không có thời hạn	
15	1970 (*)	2	1.116,00	Quyền sử dụng đất số 00447QSDĐ/aG, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00447QSDĐ/aG ngày 14/05/1994 do Uỷ ban nhân dân Tỉnh An Giang cấp	Đất trồng lúa nước còn lại	Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất	Không có thời hạn	

STT	Địa điểm		Diện tích (m^2)	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Nguồn gốc sử dụng đất	Thời hạn sử dụng đất	Hiện trạng đất
	Thửa đất số	Tờ bản đồ số						
16	1971 (*)	2	1.252,00	Quyền sử dụng đất số 00447QSDĐ/aG, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00447QSDĐ/aG ngày 14/05/1994 do Uỷ ban nhân dân Tỉnh An Giang cấp	Đất trồng lúa nước còn lại	Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất	Không có thời hạn	
17	Không xác định (*)	Không xác định	9.075,00	Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số 586/CN-UB ngày 30/6/1994 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp	Văn phòng làm việc, nhà xưởng sản xuất, nhà máy nước đá	Không xác định	Không có thời hạn	
18	Không xác định	Không xác định	1.778,00	Hợp đồng thuê đất số 133/HĐ.TĐ ngày 06/12/2011	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	07/03/2045	
19	Không xác định	Không xác định	1.745,00	Hợp đồng thuê đất số 134/HĐ.TĐ ngày 06/12/2011	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	07/03/2045	
20	Không xác định	Không xác định	984,00	Hợp đồng thuê đất số 135/HĐ.TĐ ngày 06/12/2011	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	07/05/2046	

STT	Địa điểm		Diện tích (m^2)	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Nguồn gốc sử dụng đất	Thời hạn sử dụng đất	Hiện trạng đất
	Thửa đất số	Tờ bản đồ số						
21	20^{-1} – 20^{-4}	01	984	Quyết định về việc cho thuê đất của UBND tỉnh An Giang ngày 16/4/1996; Thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của Ông Trần Văn Khanh				
22	Không xác định	Không xác định	1.780	Biên bản thỏa thuận giữa ông Đào Huy Vĩnh và Xí nghiệp Đông lạnh 8 về phần đất hiện ông Vĩnh đang cất nhà; Biên bản thỏa thuận bồi thường di dời nền nhà giữa AGIFISH và ông Đào Huy Vĩnh ngày 15/05/1996; Tờ trình ngày 21/8/1995 về việc giải tỏa nhà ông Đào Huy Vĩnh giao lại diện tích 1.780 m^2 diện tích đất thuộc chi cảnh sát Châu Thành cũ cho UBND huyện quản lý sử dụng.				
IV.4	Nhà công vụ - phường Bình Đức, tỉnh An Giang							

STT	Địa điểm		Diện tích (m^2)	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Nguồn gốc sử dụng đất	Thời hạn sử dụng đất	Hiện trạng đất
	Thửa đất số	Tờ bản đồ số						
1	454	64	590	Quyền sử dụng đất số CH 937462, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT15724 ngày 11/01/2018 do Uỷ ban nhân dân Tỉnh An Giang cấp	Đất ở tại đô thị	Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất	Lâu dài	Xây dựng nhà ở công vụ phục vụ cho cán bộ nhân viên lưu trú.
V	Các vùng nuôi							
	Vùng nuôi An Thạnh Trung - Long Kiến, tỉnh An Giang (**)							
1	4790	1	18.775	Quyền sử dụng đất số BE 368427, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00503 ngày 31/08/2011 do Uỷ ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp	Đất nuôi trồng thủy sản	Nhà nước cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất	Thời hạn thuê đất từ 18/03/2004 đến 18/03/2024	Xây dựng ao nuôi và các công trình phụ trợ sử dụng để nuôi trồng thuỷ sản. Tại thời điểm khảo sát, tài sản thẩm định giá đang cho thuê.
2	4696	1	18.775	Quyền sử dụng đất số BE 368426, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00502 ngày 31/08/2011 do Uỷ ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp	Đất nuôi trồng thủy sản	Nhà nước cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất	Thời hạn thuê đất 20 năm từ 18/03/2004 đến 18/03/2024	
3	4703	1	7.510	Quyền sử dụng đất số BE 368420, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00496 ngày 31/08/2011 do Uỷ ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp	Đất nuôi trồng thủy sản	Nhà nước cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất	Thời hạn thuê đất 20 năm từ 18/03/2004 đến 18/03/2024	

STT	Địa điểm		Diện tích (m^2)	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Nguồn gốc sử dụng đất	Thời hạn sử dụng đất	Hiện trạng đất
	Thửa đất số	Tờ bản đồ số						
4	4699	1	18.775	Quyền sử dụng đất số BE 368429, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00505 ngày 31/08/2011 do Uỷ ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp	Đất nuôi trồng thủy sản	Nhà nước cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất	Thời hạn thuê đất 20 năm từ 18/03/2004 đến 18/03/2024	
5	4707	1	11.265	Quyền sử dụng đất số BE 368419, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00495 ngày 31/08/2011 do Uỷ ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp	Đất nuôi trồng thủy sản	Nhà nước cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất	Thời hạn thuê đất 20 năm từ 18/03/2004 đến 18/03/2024	
6	4705	1	11.265	Quyền sử dụng đất số BE 368422, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00498 ngày 31/08/2011 do Uỷ ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp	Đất nuôi trồng thủy sản	Nhà nước cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất	Thời hạn thuê đất 20 năm từ 18/03/2004 đến 18/03/2024	
7	4700	1	7.510	Quyền sử dụng đất số BE 368424, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00500 ngày 31/08/2011 do Uỷ ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp	Đất nuôi trồng thủy sản	Nhà nước cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất	Thời hạn thuê đất 20 năm từ 18/03/2004 đến 18/03/2024	

STT	Địa điểm		Diện tích (m^2)	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Nguồn gốc sử dụng đất	Thời hạn sử dụng đất	Hiện trạng đất
	Thửa đất số	Tờ bản đồ số						
8	4702	1	7.510	Quyền sử dụng đất số BE 368425, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00501 ngày 31/08/2011 do Uỷ ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp	Đất nuôi trồng thủy sản	Nhà nước cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất	Thời hạn thuê đất 20 năm từ 18/03/2004 đến 18/03/2024	
9	4704	1	7.510	Quyền sử dụng đất số BE 368421, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00497 ngày 31/08/2011 do Uỷ ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp	Đất nuôi trồng thủy sản	Nhà nước cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất	Thời hạn thuê đất 20 năm từ 18/03/2004 đến 18/03/2024	
10	4701	1	15.020	Quyền sử dụng đất số BE 368423, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00499 ngày 31/08/2011 do Uỷ ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp	Đất nuôi trồng thủy sản	Nhà nước cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất	Thời hạn thuê đất 20 năm từ 18/03/2004 đến 18/03/2024	
11	4706	1	11.265	Quyền sử dụng đất số BE 368428, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00504 ngày 31/08/2011 do Uỷ ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp	Đất nuôi trồng thủy sản	Nhà nước cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất	Thời hạn thuê đất 20 năm từ 18/03/2004 đến 18/03/2024	
12	4698	1	3.755	Quyền sử dụng đất số BE 368431, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00507	Đất nuôi trồng thủy sản	Nhà nước cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất	Thời hạn thuê đất 20 năm từ	

STT	Địa điểm		Diện tích (m^2)	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Nguồn gốc sử dụng đất	Thời hạn sử dụng đất	Hiện trạng đất
	Thửa đất số	Tờ bản đồ số						
				ngày 31/08/2011 do Uỷ ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp			18/03/2004 đến 18/03/2024	
13	4697	1	15.020	Quyền sử dụng đất số BE 368430, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00506 ngày 31/08/2011 do Uỷ ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp	Đất nuôi trồng thủy sản	Nhà nước cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất	Thời hạn thuê đất 20 năm từ 18/03/2004 đến 18/03/2024	
	Vùng nuôi Nhơn Mỹ - xã Nhơn Mỹ, tỉnh An Giang							
1	28 (**)	4	19.956,00	Quyền sử dụng đất số AB 325958, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0020eB ngày 12/01/2005 do Uỷ ban nhân dân tỉnh An Giang	Đất trồng cây hàng năm khác	Nhận chuyển nhượng		Xây dựng ao nuôi và các công trình phụ trợ sử dụng để nuôi trồng thuỷ sản. Tại thời điểm khảo sát, tài sản thẩm định giá đang cho thuê.
2	24 (**)	4	5.557,00	Quyền sử dụng đất số AB 325959, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0021eB ngày 12/01/2005 do Uỷ ban nhân dân tỉnh An Giang	Đất trồng cây hàng năm khác	Nhận chuyển nhượng		
3	22 (**)	4	11.943,00	Quyền sử dụng đất số AB 325960, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số	Đất trồng cây hàng năm khác	Nhận chuyển nhượng		

STT	Địa điểm		Diện tích (m^2)	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Nguồn gốc sử dụng đất	Thời hạn sử dụng đất	Hiện trạng đất
	Thửa đất số	Tờ bản đồ số						
				H0022eB ngày 12/01/2005 do Uỷ ban nhân dân tỉnh An Giang				
4	21 (**)	4	10.168,00	Quyền sử dụng đất số AB 325963, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0025eB ngày 12/02/2005 do Uỷ ban nhân dân tỉnh An Giang	Đất trồng cây hàng năm khác	Nhận chuyển nhượng		
5	23 (**)	4	6.611,00	Quyền sử dụng đất số AB 325964, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0026eB ngày 12/01/2005 do Uỷ ban nhân dân tỉnh An Giang	Đất trồng cây hàng năm khác	Nhận chuyển nhượng		
6	26 (**)	4	5.254,00	Quyền sử dụng đất số AB 325965, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0027eB ngày 12/01/2005 do Uỷ ban nhân dân tỉnh An Giang	Đất trồng cây hàng năm khác	Nhận chuyển nhượng		
7	25 (**)	4	5.941,00	Quyền sử dụng đất số AC 132622, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0346eB ngày 27/04/2006 do Uỷ ban nhân dân tỉnh An Giang	Đất trồng cây hàng năm khác	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất		

STT	Địa điểm		Diện tích (m^2)	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Nguồn gốc sử dụng đất	Thời hạn sử dụng đất	Hiện trạng đất
	Thửa đất số	Tờ bản đồ số						
8	332 (**)	4	23.892,60	Quyền sử dụng đất số AG 929362, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0676eB ngày 02/11/2006 do Uỷ ban nhân dân tỉnh An Giang	Đất nuôi trồng thủy sản	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất		
9	333 (**)	4	23.992,60	Quyền sử dụng đất số AG 929364, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0678eB ngày 02/11/2006 do Uỷ ban nhân dân tỉnh An Giang	Đất nuôi trồng thủy sản	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất		
10	331	4	24.352,30	Quyền sử dụng đất số AG 929366, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0680eB ngày 02/11/2006 do Uỷ ban nhân dân tỉnh An Giang	Đất nuôi trồng thủy sản	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất		
	Vùng nuôi Đồng Tháp							
1	42	8	37.918,00	Quyền sử dụng đất số BY 260947, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT03429 ngày 26/06/2015 do Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp	Đất nuôi trồng thủy sản	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Đến ngày 31/12/2032	Xây dựng ao nuôi và các công trình phụ trợ sử dụng để nuôi trồng thuỷ sản.

STT	Địa điểm		Diện tích (m^2)	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Nguồn gốc sử dụng đất	Thời hạn sử dụng đất	Hiện trạng đất
	Thửa đất số	Tờ bản đồ số						
2	13	1	82.547,30	Quyền sử dụng đất số BY 260945, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT03427 ngày 26/06/2015 do Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp	Đất nuôi trồng thủy sản	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Đến ngày 31/12/2032	Tại thời điểm khảo sát, một phần hồ sơ ao nuôi đang được cho thuê và một phần Công ty đang tự khai thác.
3	34	8	25.361,70	Quyền sử dụng đất số BY 260948, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT03428 ngày 26/06/2015 do Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp	Đất nuôi trồng thủy sản	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Đến ngày 31/12/2032	
4	50	2	70.277,90	Quyền sử dụng đất số CE 200251, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT05439 ngày 11/01/2017 do Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp	Đất nuôi trồng thủy sản	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Đến ngày 22/5/2035	
5	133	1	12.950,70	Quyền sử dụng đất số BY 260860, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT03517 ngày 20/8/2015 do Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp	Đất nuôi trồng thủy sản	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Đến ngày 11/11/2034	

STT	Địa điểm		Diện tích (m^2)	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Nguồn gốc sử dụng đất	Thời hạn sử dụng đất	Hiện trạng đất
	Thửa đất số	Tờ bản đồ số						
6	134	1	1.502,50	Quyền sử dụng đất số BY 260861, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT03518 ngày 20/8/2015 do Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp	Đất nuôi trồng thủy sản	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Đến ngày 11/11/2034	
7	7	1	62.672,20	Quyền sử dụng đất số BY 260859, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT03516 ngày 20/8/2015 do Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp	Đất nuôi trồng thủy sản	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Đến ngày 16/4/2033	
8	14	1	64.173,70	Quyền sử dụng đất số BY 260852, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT03509 ngày 20/8/2015 do Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp	Đất nuôi trồng thủy sản	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Đến ngày 16/4/2033	

(*) Chưa chuyển quyền sử dụng đất sang cho AGIFISH

(**) Hồ sơ pháp lý – Quyền sử dụng đất không phải của AGIFISH

(Nguồn: AGIFISH)

20.2. Tình hình tài sản

Bảng 19: Tình hình tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
I	**TSCĐ hữu hình**	**483,15**	**46,73**	**9,67**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	147,54	32,47	22,01
2	Máy móc, thiết bị	325,45	14,24	4,37
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	9,74	0,00	0,00
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	0,25	0,01	4,21
	TSCĐ khác	0,17	0,02	10,13
II	**TSCĐ vô hình**	**31,75**	**26,99**	**85,02**
1	Quyền sử dụng đất	31,75	26,99	85,02
	Cộng	**514,90**	**73,73**	

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2025 của AGIFISH)

21. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

❖ **Vị thế của Công ty trong ngành:**

- Công ty là là một trong những nhà chế biến và xuất khẩu cá tra, cá basa đầu tiên tại Đồng bằng sông Cửu Long có mô hình sản xuất khép kín từ khâu nghiên cứu, sản xuất giống đến nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu.
- Công ty AGIFISH là thành viên của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP), Hiệp hội nghề nuôi và chế biến thuỷ sản An Giang (AFA).
- AGIFISH áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng trong toàn bộ quá trình sản xuất: HACCP, CoC, Global Standard For Food Safety (BRC), ISO 17025:2005, ISO 14001:2004. Các tiêu chuẩn ASC, BAP cho vùng nuôi cá tra nguyên liệu và nhà máy chế biến của Công ty đã được cấp giấy chứng nhận bởi các tổ chức quốc tế.
- AGIFISH được phép xuất khẩu sản phẩm thủy sản vào thị trường EU với 4 code: DL07, DL08, DL09, DL360; được cấp chứng chỉ HALAL để xuất khẩu sang cộng đồng người Hồi giáo trong và ngoài nước.
- Trên thị trường trong nước sản phẩm chế biến từ cá Tra, Basa AGIFISH là "Hàng Việt Nam chất lượng cao" liên tục từ năm 2003 đến 2023 do người tiêu dùng bình chọn.

❖ **Triển vọng phát triển của ngành:**

Năm 2025 đánh dấu giai đoạn bứt phá mạnh mẽ của ngành Thủy sản Việt Nam sau những biến động từ thị trường toàn cầu. Theo Báo cáo tổng kết của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP), kim ngạch xuất khẩu thủy sản toàn ngành đã chính thức cán mốc kỷ lục mới đạt khoảng 11,3 tỷ USD, tăng hơn 12% so với năm 2024, phản ánh xu hướng hồi phục rõ nét của nhu cầu tiêu thụ thủy sản toàn cầu. Trong các nhóm sản phẩm thủy sản xuất khẩu chủ lực, cá Tra tiếp tục giữ vai trò chính, đóng góp đáng kể vào mức tăng trưởng chung. Năm 2025, kim ngạch xuất khẩu cá Tra đạt gần 2,2 tỷ USD, tăng 8% so với năm 2024. Thị trường Mỹ và Trung Quốc vẫn là hai điểm đến trọng yếu, trong đó riêng tháng 12/2025, xuất khẩu cá Tra đạt 200 triệu USD, tăng 10% so với cùng kỳ.

Bước sang năm 2026, ngành thủy sản được kỳ vọng tiếp tục duy trì đà tăng tốc nhờ nhu cầu phục hồi tại các thị trường chủ lực, mặc dù phải đối mặt với các áp lực ngắn hạn từ rào cản kỹ thuật và các chính sách thuế quan mới từ Mỹ. Trong các sản phẩm chủ lực, cá Tra được đánh giá là ngành hàng có triển vọng lớn, đặc biệt tại thị trường EU. Lợi thế cạnh tranh nổi bật của ngành cá Tra Việt Nam đến từ chuỗi sản xuất khép kín, khả năng truy xuất nguồn gốc đầy đủ và đáp ứng tiêu chuẩn an toàn thực phẩm tương đương Hoa Kỳ. Cá Tra Việt Nam hiện là mặt hàng thủy sản duy nhất được USDA công nhận tiêu chuẩn quản trị chuỗi tương đương Mỹ, đồng thời được FAO và Ngân hàng Thế giới xếp vào nhóm 7 loài thủy sản nuôi bền vững hàng đầu thế giới. Việt Nam tiếp tục dẫn đầu châu Á về số lượng các trại nuôi cá Tra đạt chuẩn ASC, khẳng định vị thế vượt trội so với các quốc gia trong khu vực.

Hình 6: Bức tranh xuất khẩu thủy sản năm 2025

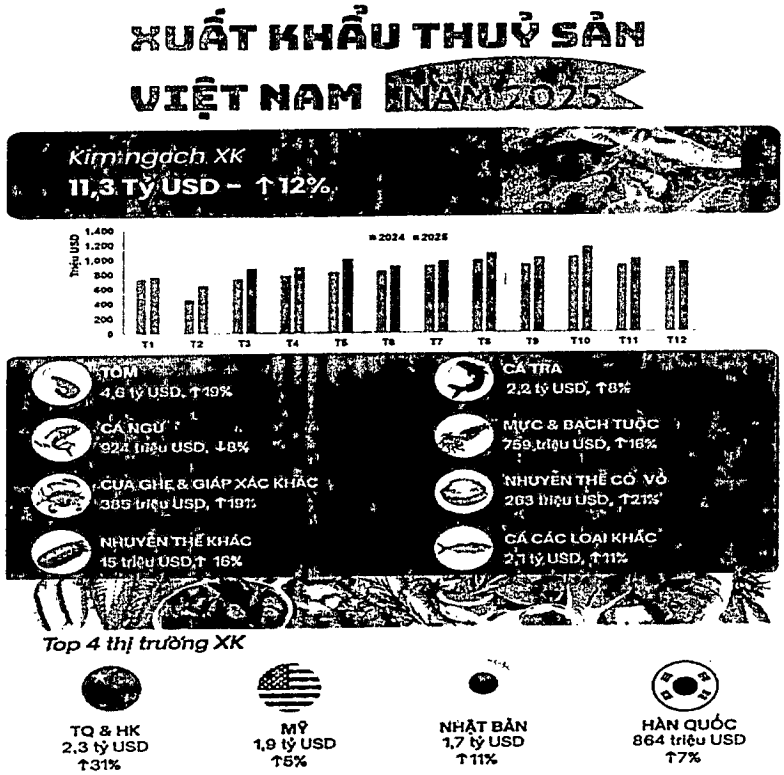

(Nguồn: VASEP)

Bảng 20: Số liệu thủy sản nổi bật năm 2025

Chỉ tiêu	Sản lượng (nghìn tấn)	Tăng/Giảm so với 2024
Tổng sản lượng	9.947,5	3,0%
Khai thác	3.830,7	-0,2%
Nuôi trồng	6.116,8	5,1%
Cá	4.035	4,9%
Tôm	1.381,7	6,1%
Thủy sản khác	700,1	4,4%

(Nguồn: TVSN – Cục Thủy sản và Kiểm ngư)

Tuy nhiên, bên cạnh những tín hiệu tích cực, ngành Thủy sản Việt Nam nói chung và cá Tra nói riêng vẫn đối mặt với nhiều thách thức đáng kể. Các rào cản kỹ thuật, thuế chống bán phá giá và nguy cơ áp thuế đối ứng tại thị trường Mỹ tiếp tục tạo áp lực lớn cho doanh nghiệp. "Thẻ vàng" IUU của EU chưa được gỡ bỏ làm gia tăng chi phí tuân thủ, kéo dài thời gian thông quan và ảnh hưởng đến uy tín sản phẩm thủy sản Việt Nam. Ngoài ra, biến đổi khí hậu, thời tiết bất thường, dịch bệnh trên thủy sản nuôi cùng với chi phí đầu vào như thức ăn, năng lượng, logistics vẫn ở mức cao, làm giảm biên lợi nhuận của người nuôi và doanh nghiệp chế biến. Thị trường Mỹ và các nước nhập khẩu lớn cũng tăng cường yêu cầu về truy xuất nguồn gốc, an toàn thực phẩm và bền vững, buộc doanh nghiệp xuất khẩu phải nâng cao giá trị gia tăng, tập trung vào hàng chế biến sâu và có chứng nhận bền vững thay vì cạnh tranh thuần túy bằng giá.

Nhìn tổng thể, ngành Thủy sản năm 2025 đã ghi dấu ấn quan trọng khi vượt qua các rào cản để đạt được những kết quả ấn tượng. Tính chung cả năm 2025, tổng sản lượng thủy sản toàn ngành ước đạt 9.947,5 nghìn tấn, tăng 3,0% so với năm 2024. Trong đó, sản lượng nuôi trồng đạt 6.116,8 nghìn tấn (tăng 5,1%) và sản lượng khai thác đạt 3.830,7 nghìn tấn (giảm 0,2%). Kim ngạch xuất khẩu cả năm ước đạt 11,3 tỷ USD, tăng 12,4% so với năm trước. Bước sang giai đoạn tiếp theo, ngành Thủy sản Việt Nam đặt mục tiêu duy trì đà tăng trưởng ổn định, hướng đến phát triển bền vững cả về quy mô và giá trị. Bằng việc tận dụng hiệu quả các hiệp định thương mại tự do như CPTPP, EVFTA, RCEP, mở rộng sang các thị trường mới (ASEAN, Trung Đông, Nam Mỹ), đồng thời nỗ lực gỡ "thẻ vàng" IUU và hoàn thiện chuỗi truy xuất nguồn gốc, ngành Thủy sản được kỳ vọng sẽ tiếp tục định hình hướng đi dài hạn theo chiều sâu và khẳng định vị thế trên bản đồ thương mại thủy sản toàn cầu.

Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới: Với định hướng phát triển sản phẩm giá trị gia tăng, mở rộng vùng nuôi, quy trình sản xuất kinh doanh khép kín, cung ứng sản phẩm vào các hệ thống phân phối lớn phục vụ người tiêu dùng, tăng cường hợp tác với công ty liên kết của AGIFISH trong hệ thống tập đoàn Hùng Vương, CTCP thức ăn Việt Thắng… trên phương diện chia sẻ, hỗ trợ tài chính thức ăn cho cá cũng như chế biến xuất khẩu, tối đa hoa tỷ suất lợi nhuận, giảm bớt chi phí trung gian, nâng cao năng lực cạnh tranh, sản xuất

kinh doan gắn liền với bảo vệ tốt môi trường sinh thái, hướng đến sự bền vững và có trách nhiệm là hoàn toàn phù hợp với định hướng của toàn ngành thủy sản, phù hợp với nhu cầu thị trường thế giới.

22. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận năm 2026

22.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2026

Căn cứ theo kế hoạch lợi nhuận năm 2026 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Công ty thông qua tại Nghị quyết số 01/NQĐHĐCĐ-2026 ngày 19/6/2026:

Bảng 21: Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận năm 2026

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Niên độ 2026
1	Sản lượng cá tra fillet xuất khẩu	Tấn	1.100
2	Sản lượng tiêu thụ nội địa - Hàng giá trị gia tăng - Doanh thu	Tấn	850 800 50
3	Kim ngạch xuất khẩu	USD	3.000.000
4	Doanh thu Trong đó phí gia công	Tỷ đồng Tỷ đồng	525 260
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	5
6	Tổng lao động	Người	1.550
7	Thu nhập bình quân người/tháng	Đồng/người/tháng	6.500.000

(Nguồn: AGIFISH - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2026)

Bảng 22: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2026

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2026	% tăng giảm so với năm 2025
1	Tổng doanh thu	525	0,33%
2	Lợi nhuận trước thuế*	5	-
3	Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Tổng doanh thu	0,95%	-
4	Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu	-	-
5	Tỷ lệ chia cổ tức	-	-

(*) Hiện nay AGIFISH đang lỗ lũy kế, vì vậy Công ty không phát sinh nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2026. Do đó, số kế hoạch lợi nhuận trước thuế cũng đồng thời là lợi nhuận sau thuế.

(Nguồn: AGIFISH - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2026)

22.2. Các giải pháp thực hiện kế hoạch

Căn cứ và Chiến lược để đạt được kế hoạch doanh thu và lợi nhuận nêu trên:

- Mở rộng thị trường, tìm kiếm những khách hàng mới phù hợp với tình hình kinh doanh của công ty đảm bảo thu hồi nguồn vốn nhanh, an toàn, hiệu quả;
- Tiếp tục phối hợp cùng với các đơn vị gia công ổn định sản xuất; tìm kiếm thêm các đối tác gia công mới để đảm bảo cho các nhà máy hoạt động hết năng lực sản xuất nhằm tạo doanh thu cao nhất cho Công ty;
- Kết hợp cùng các đơn vị gia công tạo nguồn hàng ổn định, chất lượng đáp ứng cho các đơn hàng xuất khẩu của Công ty;
- Tập trung nghiên cứu các sản phẩm giá trị gia tăng mới, cải tiến chất lượng, quy trình nhằm gia tăng các sản phẩm thực phẩm dạng cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu tiến tới đẩy mạnh xuất khẩu;
- Chủ động nghiên cứu nguyên liệu để tự sản xuất kinh doanh ở nhà máy đông lạnh AGF8 để cung cấp cho khách hàng, nhằm dần khôi phục lại những thị trường đã mất và mở rộng thị trường tìm kiếm khách hàng mới.
- Tiếp tục củng cố, sắp xếp lại nhân sự theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu quả làm việc, tăng năng suất lao động, giảm chi phí quản lý.
- Tăng cường quản lý tốt tài sản, phân công trách nhiệm sử dụng máy móc, thiết bị, tiết kiệm nguyên vật liệu, nhiên liệu trong sản xuất để hạ giá thành một cách tốt nhất.
- Tiếp tục tìm kiếm, tiếp cận các nhà đầu tư có năng lực để hợp tác mở rộng ngành nghề kinh doanh hoặc thu hút để có cơ cấu lại vốn nguồn hàng nhằm nâng suất kinh doanh theo chủ trương của Hội đồng quản trị.
- Tìm kiếm nhà đầu tư đủ năng lực chuyển nhượng 01 nhà máy để thu hồi vốn hoàn trả khoản vay ngân hàng nhằm giảm chi phí lãi vay, tăng hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

23. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất...)

- Trái phiếu chuyển đổi: Không có.
- Thuế sử dụng đất: Công ty thực hiện kê khai và nộp thuế sử dụng đất đối với các Hợp đồng thuê sử dụng đất theo danh mục tại Bảng 23: Tình hình sử dụng đất Của Công ty (Phần VI, mục 20.1).
- Các cam kết nhưng chưa thực hiện khác: Theo các Báo cáo kiểm toán và Báo cáo soát xét, AGIFISH chưa có thông tin xác nhận hoàn thành nghĩa vụ hoàn trả 29.299.428.680 đồng cho Agribank – Chi nhánh Sìn Hồ; chưa ghi nhận các khoản lãi chậm nộp phát sinh tương ứng; chưa có thông tin xác nhận thu hồi khoản phải thu từ CTCP Đầu tư và Xây dựng Delta AGF theo bản án phúc thẩm số 04/2024/KDTM-PT; chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích 72.362,4 m² tại dự án vùng nuôi Nhơn Hòa. Ngoài ra, Công ty chưa có thông tin xác nhận đã xử lý

dứt điểm các vấn đề liên quan đến việc sử dụng tài sản bảo lãnh cho khoản vay của Công ty mẹ – CTCP Hùng Vương tại Vietcombank.

24. Nhãn hiệu, tên thương mại, quyền sở hữu trí tuệ

Nhãn hiệu thương mại của Công ty:

Ý nghĩa của logo: Logo có hình chóp, phía trên là hình tam giác cân lớn sọc ngang màu xanh, chữ AGIFISH màu đỏ là tên tự đặt nằm trên hình tam giác cân đó, góc bên trái tam giác cân lớn có hình tam giác cân nhỏ màu đỏ. Phía dưới là những đường uốn lượn màu xanh biểu tượng cho sông nước và con cá đang bơi giữa bốn làn sóng nước.

Công ty đã đăng ký thành công hai nhãn hiệu số 55544 và 59586 do Cục Sở Hữu Trí Tuệ thuộc Bộ Khoa Học và Công Nghệ cấp ngày 09/07/2004 và ngày 10/01/2005. Màu sắc nhãn hiệu bao gồm ba màu chính Xanh nước biển, Đỏ và Màu trắng. Sản phẩm và dịch vụ mang nhãn hiệu của Công ty thuộc nhóm 01, nhóm 03, nhóm 29, nhóm 30, nhóm 31 và nhóm 32.

25. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phần khi chuyển nhượng vốn

❖ **Thông tin về tranh chấp liên quan đến hợp đồng mua bán 01/2015AGF-QC-TDMIR ngày 23/12/2015 và các phụ lục hợp đồng kèm theo về việc mua bán fillet cá Tra đông lạnh giữa Công ty Cổ Phần Xuất nhập khẩu thủy sản An Giang, Công ty TNHH Quang Chiến và Công ty TDMIR:**

Theo hợp đồng mua bán số 01/2015AGF-QC-TDMIR ngày 23/12/2015 và các phụ lục hợp đồng kèm theo về việc mua bán fillet cá Tra đông lạnh giữa Công ty Cổ Phần Xuất nhập khẩu thủy sản An Giang, Công ty TNHH Quang Chiến và Công ty TDMIR (công ty được thành lập và hoạt động tại Nga). Trong đó, Công ty TNHH Quang Chiến là đơn vị trung gian đại diện cho Công ty TDMIR giao dịch thanh toán tiền hàng cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản An Giang.

Từ tháng 01/2016 đến tháng 03/2016, Công ty đã thực hiện xuất khẩu 672 tấn cá Tra fillet cho Công ty TDMIR theo hợp đồng đã ký kết, từ tháng 03/2016 đến tháng 05/2016 Công ty đã nhận được thanh toán từ Công ty TNHH Quang Chiến. Tổng số tiền Công ty TNHH Quang Chiến đã thanh toán cho Công ty theo hợp đồng này là 1.314.600 USD tương đương 29.299.428.680 VND tại thời điểm thanh toán.

Theo kết luận Bản án sơ thẩm số 20/2020/HS-ST ngày 28/08/2020 của Tòa án nhân dân Tỉnh Lai Châu và Bản án phúc thẩm số 217/2022/HS-PT ngày 13/04/2022 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang có trách nhiệm hoàn trả 29.299.428.680 VND cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam do Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang đã nhận hoàn toàn tiền hàng từ tiền

mà Công ty TNHH Quang Chiến chiếm đoạt được từ Ngân hàng. Công ty đã trích trước khoản tiền này vào kết quả kinh doanh năm 2021.

Ngày 06/01/2023, Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên đã ra quyết định thi hành án chủ động số 879/QĐ-CCTHADS buộc Công ty hoàn trả 29.299.428.680 VND cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được hoặc được thông báo hợp lệ quyết định.

❖ **Thông tin về tranh chấp liên quan đến mua bán bất động sản ký ngày 14/05/2010 và phụ kiện hợp đồng số 01 ngày 10/06/2010, CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang và CTCP Đầu tư và Xây dựng Delta AGF:**

Theo hợp đồng mua bán bất động sản ký ngày 14/05/2010 và phụ kiện hợp đồng số 01 ngày 10/06/2010, CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang và CTCP Đầu tư và Xây dựng Delta AGF có thỏa thuận ký hợp đồng mua bán bất động sản để cấn trừ công nợ với nhau, tài sản mua bán bao gồm:

- Kho lạnh diện tích 6.634 m^2 tại tỉnh An Giang với trị giá 92.578.199.000 đồng, trong đó giá trị chưa thuế là 84.162.000.000 đồng và thuế giá trị gia tăng là 8.416.199.999 đồng;
- Diện tích quyền sử dụng đất 19.674,7 m^2 tại tỉnh An Giang có giá trị 35.838.000.000 đồng.

Thông tin về các tổ chức có liên quan đến tranh chấp như sau:

Tổ chức có liên quan	Ngày	Tài liệu	Nội dung
CTCP Đầu tư xây dựng Delta AGF	29/11/2007	Hợp đồng giao đất số 63/HĐ-HĐGĐ	Trung tâm phát triển Quỹ đất tỉnh An Giang ký HĐ giao đất với Delta AGF. Sau đó Delta AGF đã tiến hành xây dựng kho lạnh và đưa vào sử dụng từ 02/2018
	12/01/2017	Quyết định tuyên bố phá sản số 02/2017/QĐ-TBPS	Delta AGF bị tuyên bố phá sản
Vietcombank (CN. An Giang)	02/10/2008	Hợp đồng tín dụng số 85/2008/NHNT.AG	Cho Delta AGF vay 40 tỷ đồng thế chấp bằng kho lạnh
CTCP XNK Thủy sản An Giang	14/05/2010	Hợp đồng mua bán bất động sản	Theo hợp đồng mua bán bất động sản ký ngày 14/05/2010 và phụ kiện hợp đồng số 01 ngày 10/06/2010, CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang và CTCP Đầu tư và Xây dựng Delta AGF có thỏa
	10/06/2010	Phụ kiện hợp đồng số 01	

Tổ chức có liên quan	Ngày	Tài liệu	Nội dung
			thuận ký hợp đồng mua bán bất động sản để cấn trừ công nợ với nhau
BIDV (CN.TPHCM)	05/11/2018	Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 03/2018/549049/HĐBĐ	AGIFISH thế chấp cho BIDV tất cả các quyền, quyền sở hữu, quyền yêu cầu, quyền truy đổi lợi ích của AGIFISH đối với các quyền tài sản, tài sản hình thành, phát sinh và liên quan đến Hợp đồng mua bán bất động sản ký ngày 14/5/2010 (bao gồm cả Phụ kiện số 01 ngày 10/6/2010 của Hợp đồng mua bán bất động sản ký ngày 14/5/2010.
	03/10/2022	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 03/2022/549049/HĐTD	BIDV cấp hạn mức tín dụng tối đa cho AGIFISH là 355 tỷ đồng

Theo quyết định tại Bản án số 07/2023/KDTM-ST ngày 22/06/2023 về việc tranh chấp: "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán tài sản -- Hợp đồng mua bán hàng hóa":

(i) Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của CTCP XNK Thủy sản An Giang đối với CTCP Đầu tư xây dựng Delta AGF yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng bất động sản ngày 14/05/2010 và Phụ kiện số 01 ngày 10/06/2010;

(ii) Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của CTCP XNK Thủy sản An Giang đối với CTCP Đầu tư xây dựng Delta AGF;

(iii) Buộc CTCP Đầu tư xây dựng Delta AGF có nghĩa vụ trả cho CTCP XNK Thủy sản An Giang số tiền nợ hợp đồng mua bán hàng hóa là 36.075.630.879 đồng;

(iv) Tuyên bố Hợp đồng mua bán bất động sản ký ngày 14/05/2010 và Phụ kiện số 01 ngày 10/06/2010 được ký kết giữa CTCP XNK Thủy sản An Giang với CTCP Đầu tư xây dựng Delta AGF vô hiệu;

(v) Giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu:

- CTCP Đầu tư xây dựng Delta AGF phải có trách nhiệm trả cho CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang số tiền là 164.491.830.878 đồng. Trong đó: Tiền theo hợp đồng mua bán bất động sản ngày 14/5/2010, kèm theo phụ kiện số 01 với số tiền 128.416.199.999 đồng; nợ mua bán hàng hóa, phụ phẩm là 21.364.689.260 đồng và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 14.710.941.619 đồng nhưng CTCP Đầu tư xây dựng Delta AGF đã bị tuyên bố phá sản, do đó nghĩa vụ về tài sản của CTCP Đầu tư xây dựng Delta AGF sẽ được giải quyết theo Luật phá sản

nên CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang trở thành chủ nợ có bảo đảm và số tiền này sẽ được tính vào khoản nợ của CTCP Đầu tư xây dựng Delta AGF do Quản tài viên quản lý, theo dõi.

- CTCP XNK Thủy sản An Giang có trách nhiệm giao trả lại đối với diện tích đất 19.674,7 m^2 tại các điểm từ M1 đến M57 (trừ M10 và M56) theo bản đồ hiện trạng khu đất của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh An Giang ngày 06/8/2020 thuộc thửa 55, tờ bản đồ 23, tọa lạc tại phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang theo Quyết định giao đất số 681/QĐ-UBND do UBND tỉnh An Giang ký ngày 11/4/2008.
- CTCP XNK Thủy sản An Giang có trách nhiệm giao trả các công trình xây dựng trên đất gồm: 1/ Nhà xưởng diện tích 3.091,3 m^2; 2/ Nhà xưởng có diện tích 6.687,4 m^2; 3/ Bồn nước có diện tích 39,9 m^2; 4/ Trạm biến áp có diện tích 291,4 m^2; 5/ Bồn chứa dầu có diện tích 25,1 m^2; 6/ Bể lọc nước có diện tích 20,3 m^2; 7/ Nhà vệ sinh có diện tích 18,1 m^2; 8/ Nhà xe có diện tích 120,5 m^2; 9/ Nhà kho có diện tích 44,3 m^2; 10/ Văn phòng làm việc có diện tích 130,5 m^2; 11/ Nhà bảo vệ có diện tích 5,61 m^2 theo bản đồ hiện trạng khu đất của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh An Giang ngày 06/8/2020.

  Thời hạn bàn giao đối với diện tích đất và vật kiến trúc trên đất CTCP XNK Thủy sản An Giang thực hiện chuyển giao cho CTCP Đầu tư và Xây dựng Delta AGF được Quản tài viên quản lý danh mục tài sản của công ty đã bị tuyên bố phá sản trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.
- Tuyên bố Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 03/2018/549049/HĐBĐ ngày 05/11/2018 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang là vô hiệu.
- Ngân hàng có trách nhiệm giao trả lại bản chính Hợp đồng mua bán bất động sản ký ngày 14/5/2010, Phụ kiện số 01 ngày 10/6/2010, Hóa đơn giá trị gia tăng số 0114250 ngày 01/9/2010; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0114249 ngày 01/9/2010; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0114248 ngày 01/9/2010 cho CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang.
- Tuyên bố Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất ngày 22/9/2010, giữa CTCP Đầu tư và Xây dựng Delta AGF và CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang chấm dứt.

Theo quyết định tại Bản án số 04/2024/KDTM-PT ngày 25/6/2024 về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và mua bán tài sản trên đất; hợp đồng mua bán hàng hóa":

(i) Không chấp nhận kháng cáo của CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang về yêu cầu công nhận hợp đồng mua bán bất động sản ngày 14/5/2010 và Phụ kiện số 01 ngày 10/6/2010;

(ii) Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng cáo của Quản tài viên đại diện CTCP Đầu tư và Xây dựng Delta AGF về yêu cầu CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang trả giá trị tài sản theo Phụ kiện số 01 ngày 10/6/2010 là 58.014.980.583đ; về

hợp đồng mua bán hàng hóa giữa CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang và CTCP Đầu tư và Xây dựng Delta AGF;

(iii) Chấp nhận kháng cáo của Quản tài viên đại diện CTCP Đầu tư và Xây dựng Delta AGF về yêu cầu không xác định tư cách chủ nợ của CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang đối với tài sản của CTCP Đầu tư và Xây dựng Delta AGF;

(iv) Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam;

(v) Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 07/2023/KDTM-ST ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang:

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang về yêu cầu công nhận hợp đồng mua bán bất động sản ngày 14/5/2010 và Phụ kiện số 01 ngày 10/6/2010;
- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang về hợp đồng mua bán hàng hóa giữa CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang và CTCP Đầu tư và Xây dựng Delta AGF;
- Buộc CTCP Đầu tư và Xây dựng Delta AGF có nghĩa vụ trả cho CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang số tiền nợ hợp đồng mua bán hàng hóa là 36.075.630.879đ, trong đó: vốn là 21.364.689.260, lãi là 14.710.941.619đ);
- Tuyên bố Hợp đồng mua bán bất động sản ngày 14/5/2010 và Phụ kiện số 01 ngày 10/6/2010 giữa CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang với CTCP Đầu tư và Xây dựng Delta AGF vô hiệu;
- CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang có nghĩa vụ trả cho CTCP Đầu tư và Xây dựng Delta AGF diện tích 19.674,7m^2 đất thuộc thửa 55, tờ bản đồ 23 tại phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang theo Quyết định giao đất số: 681/QĐ-UBND ký ngày 11/4/2008 của UBND tỉnh An Giang, tại các điểm: từ M1 đến M57 (trừ M56) theo Bản đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh An Giang lập ngày 06/8/2020.
- CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang có nghĩa vụ trả cho CTCP Đầu tư và Xây dựng Delta AGF các loại tài sản trên diện tích 19.674,7m^2 đất thuộc thửa 55, tờ bản đồ 23 tại phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang; gồm: Nhà xưởng diện tích 6.687,4m^2; bồn chứa nước diện tích 39,9m^2; trạm biến áp diện tích 291,4m^2; bồn chứa dầu diện tích 25,1m^2; bể lọc nước diện tích 20,3m^2; nhà vệ sinh diện tích 18,1m^2; nhà để xe diện tích 120,5m^2; nhà kho diện tích 44,3m^2; văn phòng làm việc diện tích 130,5m^2 theo Bản đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh An Giang lập ngày 06/8/2020;
- CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang có nghĩa vụ giao cho CTCP Đầu tư và Xây dựng Delta AGF nhà xưởng diện tích 3.091,3m^2 (xây dựng trên diện tích 19.674,7m^2 thuộc thửa 55, tờ bản đồ 23 phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên,

tỉnh An Giang) theo Bản đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh An Giang lập ngày 06/8/2020;

- CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Delta AGF các loại tài sản, máy móc và trang thiết bị do CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang đã thay mới được ghi nhận theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên lập ngày 18/6/2020.
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Delta AGF có nghĩa vụ trả cho CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang số tiền chuyển nhượng đất và số tiền mua tài sản trên đất tổng cộng là 128.416.199.999đ;
- Buộc CTCP Đầu tư và Xây dựng Delta AGF có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang về giá trị đất tăng với số tiền 166.579.650.000đ;
- CTCP Đầu tư và Xây dựng Delta AGF có nghĩa vụ trả cho CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang giá trị nhà xưởng diện tích 3.091,3m^2 là 9.000.000.000đ;
- Tuyên bố chấm dứt Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất ngày 22/9/2010 giữa CTCP Đầu tư và Xây dựng Delta AGF và CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang.

VII. THÔNG TIN VỀ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

1. Tên cổ phần chào bán

Tên cổ phần: Cổ phiếu Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy Sản An Giang

2. Loại cổ phần chào bán

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng

3. Mệnh giá

Mệnh giá: 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phần

4. Tổng số cổ phần dự kiến chuyển nhượng

Tổng số cổ phần dự kiến chuyển nhượng là 2.316.892 cổ phần (chiếm tỷ lệ 8,24% tổng số cổ phần đã phát hành theo vốn thực góp trong vốn điều lệ).

5. Giá khởi điểm đấu giá

Giá khởi điểm đấu giá bán phần vốn của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang được thông qua theo Quyết định số 316/QĐ-ĐTKDV ngày 03/11/2026 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về việc phê duyệt phương án bán cổ phần của SCIC tại Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang.

6. Phương pháp/cơ sở tính giá khởi điểm

(i) Nghị định số 57/2026/NĐ-CP ngày 12/02/2026 của Chính phủ về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

(ii) Chứng thư thẩm định giá số 111/2026/114/CTTĐG-CPAVIETNAM-HCM ngày 22/10/2026 và Báo cáo thẩm định giá số 111/2026/114/BCTĐG-CPAVIETNAM-HCM ngày 22/10/2026 của Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam;

(iii) Quyết định số 316/QĐ-ĐTKDV ngày 03/11/2026 của Tổng giám đốc Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc phê duyệt phương án bán cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang.

7. Phương thức chuyển nhượng vốn

Căn cứ Quyết định số 316/QĐ-ĐTKDV ngày 03/11/2026 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về việc phê duyệt phương án bán cổ phần của SCIC tại Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang, SCIC sẽ triển khai bán đấu giá 2.316.892 cổ phần của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang theo hình thức đấu giá công khai cả lô (một lô là 2.316.892 cổ phần).

8. Tổ chức thực hiện đấu giá cổ phần

Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI).

9. Thời gian thực hiện chuyển nhượng vốn

Quy định tại Quy chế đấu giá theo lô cổ phần của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang do Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước sở hữu.

10. Thời gian đăng ký mua cổ phần dự kiến

Quy định tại Quy chế đấu giá theo lô cổ phần của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang do Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước sở hữu do CTCP Chứng khoán Dầu khí ban hành.

11. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Hiện nay, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy Sản An Giang không quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài.

Căn cứ công văn số 4844/UBCK-PTTT ngày 26/07/2022 về hồ sơ thông báo tỷ lệ SHNN tối đa của Công ty và thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài được công bố trên website của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang là: 50%.

Tại thời điểm ngày 03/11/2026, số lượng cổ phần nhà đầu tư nước ngoài sở hữu tại CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang là 130.224 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,46% vốn điều lệ. Do đó, khối lượng cổ phần tối đa mà nhà đầu tư nước ngoài được đăng ký mua là 2.316.892 cổ phần (tương đương 8,24% vốn điều lệ của CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang).

Tuy nhiên, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài có thể biến động theo từng ngày giao dịch trên thị trường và cũng có thể đạt mức tối đa 50% vốn điều lệ tại ngày làm thủ tục chuyển quyền sở hữu cổ phiếu CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang. Do đó, Nhà đầu tư nước ngoài khi nghiên cứu mua cổ phiếu CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang phải có trách

nhiệm cập nhật khối lượng cổ phần CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang còn được phép nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài được công bố hàng ngày trên website của SGDCK Hà Nội hoặc VSDC và đảm bảo khối lượng đăng ký mua không vượt quá khối lượng còn được phép nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài do SGDCK Hà Nội và VSDC công bố tại thời điểm đăng ký tham dự đấu giá.

Trường hợp tại thời điểm đăng ký tham dự đấu giá, nhà đầu tư nước ngoài đáp ứng đủ điều kiện để tham dự, tuy nhiên tại thời điểm chuyển quyền sở hữu cổ phần trúng đấu giá tại VSDC, số cổ phần trúng đấu giá và đã thanh toán của nhà đầu tư nước ngoài lớn hơn khối lượng cổ phần CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang còn được phép nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài thì nhà đầu tư nước ngoài sẽ không được mua toàn bộ số lượng cổ phần trúng đấu giá và SCIC sẽ nhận lại toàn bộ cổ phần, hoàn trả lại toàn bộ tiền đặt cọc và số tiền đã thanh toán khi trúng giá của nhà đầu tư.

12. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng vốn

Toàn bộ số cổ phần của CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang do Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước sở hữu được tự do chuyển nhượng theo Điều 9 và điểm d khoản 1 Điều 11 Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định của pháp luật chứng khoán. Công ty không có cổ đông sáng lập (khoản 5 Điều 6 Điều lệ); Điều lệ Công ty không có quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần.

Nhà đầu tư trúng đấu giá sẽ sở hữu 2.316.892 cổ phần, tương đương 8,24% vốn điều lệ của Công ty và trở thành cổ đông lớn; nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin của cổ đông lớn theo quy định tại Điều 127 Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn. Nhà đầu tư trúng đấu giá không phát sinh nghĩa vụ chào mua công khai do được miễn theo điểm d khoản 2 Điều 35 Luật Chứng khoán (trường hợp sở hữu cổ phiếu trong các đợt đấu giá chứng khoán chào bán ra công chúng, các đợt chào bán khi chuyển nhượng vốn nhà nước hoặc vốn của doanh nghiệp nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp khác).

Nhà đầu tư lưu ý: hồ sơ pháp lý của một số khu đất Công ty đang quản lý, sử dụng chưa đầy đủ: tại khu Xí nghiệp AGF9 có các khoản mục đất nhận chuyển nhượng từ năm 2006 chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; tại khu Xí nghiệp AGF8 một số hồ sơ chỉ còn bản photo; Quyết định số 594/QĐ.UB ngày 19/7/1995 và hồ sơ cổ phần hóa của Công ty không còn bản lưu (theo Công văn số 45/CNPN-ĐT ngày 04/8/2026 của SCIC Chi nhánh phía Nam và Công văn giải trình của AGF ngày 07/8/2026) (chi tiết tại Bảng 18). Theo Chứng thư thẩm định giá, các quyền sử dụng đất chưa có hồ sơ pháp lý đầy đủ chỉ được ghi nhận theo giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2025 (tổng khoảng 0,76 tỷ đồng), không tính giá trị tăng thêm trong giá 25.800 đồng/cổ phần. Nhà đầu tư cần tự tìm hiểu, đánh giá rủi ro liên quan trước khi tham gia đấu giá.

13. Các loại thuế liên quan

Nhà đầu tư tham gia đấu giá có trách nhiệm kê khai và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế thu nhập và các thuế liên quan đến cổ phiếu chào bán: Phí nhận chuyển nhượng và phí chuyển nhượng chứng khoán; Các khoản thuế hoặc chi phí khác liên quan đến chuyển nhượng cổ phần theo quy định pháp luật hiện hành.

14. Các thông tin khác theo quy định của pháp luật phải công khai khi thực hiện chuyển nhượng vốn

❖ **Hồ sơ đấu giá**

- Quyết định số 316/QĐ-ĐTKDV ngày 03/11/2026 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về việc phê duyệt phương án bán cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang.
- Bản công bố thông tin này;
- Tài liệu chứng minh SCIC là chủ sở hữu hợp pháp của số cổ phần đăng ký bán đấu giá;
- Quy chế đấu giá cả lô cổ phần;
- Tài liệu khác theo yêu cầu (nếu có).

❖ **Phương tiện công bố thông tin**

- Trang thông tin điện tử (website) của tổ chức là đối tượng công bố thông tin (AGIFISH, SCIC, PSI);
- Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (Báo Tài chính – Đầu tư, Báo Hà Nội mới, Báo An Giang)

❖ **Địa điểm công bố thông tin**

- **TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG: TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC – CÔNG TY TNHH**

Địa chỉ	:	Tầng 23-24 Tòa nhà Charmvit, Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội
Điện thoại	:	(024) 3824 0703
Fax	:	(024) 6278 0136
Website	:	www.scic.vn

- **TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ – CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH**

Trụ sở chính	:	Lầu 1, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại	:	(028) 3914 6789
Fax	:	(028) 3914 6969
Website	:	www.psi.vn

- **TỔ CHỨC CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC CHUYỂN NHƯỢNG: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG**

Trụ sở chính	:	1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Tỉnh An Giang
Điện thoại	:	(029) 6385 2368
Fax	:	(029) 6385 2202
Website	:	www.agifish.com.vn

- **TỔ CHỨC TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ**

Trụ sở chính	:	Tầng 2 tòa nhà Hanoitourist số 18 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội
Điện thoại	:	(024) 3987 2888
Fax	:	(024) 3934 3999
Website	:	www.psi.vn

VIII. MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

Việc chào bán cổ phần Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang do SCIC nắm giữ nằm trong kế hoạch tái cơ cấu danh mục đầu tư của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước. Việc chào bán phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy Sản An Giang chỉ làm thay đổi cơ cấu cổ đông, không làm thay đổi vốn điều lệ của doanh nghiệp.

Việc triển khai thực hiện bán đấu giá công khai theo lô đối với toàn bộ 2.316.892 cổ phần do SCIC sở hữu tại Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang sẽ giúp cho SCIC có thêm nguồn lực tài chính phục vụ cho hoạt động kinh doanh và đầu tư khác của SCIC.

IX. CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

1. Tổ chức là chủ sở hữu chuyển nhượng vốn

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC – CÔNG TY TNHH

Địa chỉ	:	Tầng 23-24 Tòa nhà Charmvit, Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội
Điện thoại	:	(024) 3824 0703
Fax	:	(024) 6278 0136
Website	:	www.scic.vn

2. Tổ chức có vốn của Doanh nghiệp nhà nước cần chuyển nhượng

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG

Địa chỉ	:	1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Tỉnh An Giang
Điện thoại	:	(029) 6385 2368
Fax	:	(029) 6385 2202
Website	:	www.agifish.com.vn

3. Tổ chức tư vấn chào bán

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Trụ sở chính	:	Tầng 2, Toà nhà Hanoitourist, Số 18 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội
Điện thoại	:	(024) 3934 2888
Fax	:	(024) 3934 3999
Website	:	www.psi.vn

4. Tổ chức thực hiện đấu giá

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ – CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH

Trụ sở chính	:	Lầu 1, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại	:	(028) 3914 6789
Fax	:	(028) 3914 6969
Website	:	www.psi.vn

5. Tổ chức thẩm định giá

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIỆT NAM

Trụ sở chính	:	Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, Số 235 Nguyễn Trãi, Phường Khương Đình, Thành phố Hà Nội
Điện thoại	:	(024) 3783 2121
Fax	:	(024) 3783 2122
Website	:	www.cpavietnam.vn

6. Tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính kết thúc tại thời điểm 31/12/2023, 31/12/2024, 31/12/2025 và soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc tại thời điểm 30/06/2026

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Trụ sở chính : Số 01 Lê Phụng Hiểu, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : (024) 3824 1990

Website : www.aasc.com.vn

X. BÁO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG VỀ NỘI DUNG THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

Các thông tin tại Bản Công bố thông tin này do CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang cung cấp. CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang tự chịu trách nhiệm các thông tin công bố.

Báo cáo tài chính năm 2023, 2024, 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 được soát xét bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Bản công bố thông tin chỉ mang tính tham khảo. Chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư nên tìm hiểu thông tin doanh nghiệp trước khi tham gia đấu giá và đảm bảo rằng việc đăng ký mua và thực hiện giao dịch đúng quy định của pháp luật hiện hành. Các nhà đầu tư tham dự đấu giá có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

XI. THAY LỜI KẾT

Bản công bố thông tin được cung cấp nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá chung về tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trước khi đăng ký mua cổ phần. Tuy nhiên, do đợt chào bán này không phải là đợt phát hành/chào bán cổ phiếu của doanh nghiệp để huy động vốn trên thị trường sơ cấp nên Bản công bố thông tin này được chúng tôi xây dựng với khả năng và nỗ lực cao nhất từ các nguồn đáng tin cậy như đã trình bày và mong muốn công bố/thông báo tới Nhà đầu tư về tình hình doanh nghiệp và các thông tin liên quan đến doanh nghiệp.

Bản công bố thông tin này không bảo đảm rằng đã chứa đựng đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và chúng tôi cũng không thực hiện phân tích, đưa ra bất kỳ ý kiến đánh giá nào với hàm ý đảm bảo giá trị của cổ phiếu. Do đó, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư trước khi tham gia đấu giá cần tìm hiểu thêm thông tin về doanh nghiệp, bao gồm nhưng không giới hạn như Điều lệ doanh nghiệp, các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết Hội đồng

quản trị, các Báo cáo của Ban Kiểm soát, các Báo cáo tài chính, Báo cáo kiểm toán, tình hình doanh nghiệp, Báo cáo thường niên ... cũng như bảo đảm rằng việc đăng ký mua hay thực hiện giao dịch là đúng thẩm quyền, tuân thủ các quy định về công bố thông tin, giao dịch của cổ đông lớn, người nội bộ, giới hạn tỷ lệ sở hữu, được thanh toán bằng nguồn tiền hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí và nhân viên của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí (bao gồm cả nhân viên thực hiện Bản Công bố thông tin này) có thể đang sở hữu, mua bán (ngoài đợt chào bán cổ phần của SCIC), thực hiện các dịch vụ môi giới, tư vấn đầu tư, hoặc các dịch vụ khác trong phạm vi pháp luật cho phép liên quan đến cổ phần của CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang cho SCIC, chính CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang và các khách hàng khác, công ty liên kết của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí. Nhà đầu tư cần xem xét, đánh giá khả năng mâu thuẫn lợi ích khi sử dụng Bản Công bố thông tin này.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí, Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam và các tổ chức, cá nhân thực hiện tư vấn, định giá, bán đấu giá cổ phần có ảnh hưởng đến kết quả đấu giá không được tham gia mua cổ phần chào bán của SCIC trong đợt chào bán này (khoản 3 Điều 5 Quy chế bán cổ phần ban hành kèm theo Quyết định số 56/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 05/5/2026).

Nhà đầu tư tham gia mua cổ phần có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình. Tổ chức có vốn nhà nước được chuyển nhượng, Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng, Tổ chức tư vấn chào bán và các công ty con, công ty liên kết, nhân viên của họ không chịu trách nhiệm về việc Nhà đầu tư sử dụng Bản công bố thông tin này cho mục đích của mình.

Trân trọng cảm ơn.

Hà Nội, ngày 05 tháng 11 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN/CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC – CÔNG TY TNHH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0101942921 - C.T.T.N.H.H
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC - CÔNG TY TNHH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Lê Thị Hoài Diễm

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CÓ VỐN NHÀ NƯỚC ĐƯỢC CHUYỂN NHƯỢNG

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 1600583588 CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG P. BÌNH ĐỨC - T. AN GIANG

Nguyễn Văn Ký

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

GIÁM ĐỐC

S.G.P: 37 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ P. CỬA NAM - T.P HÀ NỘI

Phan Quỳnh Nga